

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 NHỮNG LÍ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. Một số vấn đề chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1.Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:.....	3
1.1.2.Vai trò của kế toán doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	4
1.1.3.Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	4
1.1.4. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	5
1.1.4.1. Doanh thu và các loại doanh thu.....	5
1.1.4.2.Chi phí và các loại chi phí.....	6
1.1.5. Xác định kết quả kinh doanh.....	8
1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	8
1.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.	8
1.2.1.1.Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp.....	8
1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	10
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	13
1.2.2.1. Phương pháp tính giá vốn hàng bán.....	13
1.2.2.2. Chứng từ sử dụng.....	14
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng.....	14
1.2.2.4.Phương pháp hạch toán giá vốn bán hàng	14
1.2.3.Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	16
1.2.3.1.Chứng từ sử dụng.....	16
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng.....	16
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	17

1.2.4.Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	18
1.2.4.1.Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	18
1.2.4.2.Kế toán chi phí hoạt động tài chính	19
1.2.5. Kế toán thu nhập khác, chi phí hoạt động khác	22
1.2.5.1.Kế toán thu nhập hoạt động khác.....	22
1.2.5.2.Kế toán chi phí hoạt động khác.....	22
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	23
1.2.6.1.Chứng từ sử dụng.....	25
1.2.6.2.Tài khoản sử dụng.....	25
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh.....	26
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	27
1.3.1.Hình thức nhật ký chung	27
1.3.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái	28
1.3.3.Hình thức Nhật ký chứng từ.....	29
1.3.4. Hình thức chứng từ ghi sổ.....	29
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	30
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG	31
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long	31
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long.....	31
2.1.2.Chức năng, nhiệm vụ của công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long.....	33
2.1.3. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long.....	34
2.1.4.Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long.....	35
2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long.....	38
2.1.5.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	38
2.1.5.2.Các chính sách kế toán tại Công ty	39
2.1.5.3. Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty	39

2.2.Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long.....	40
2.2.1.Kế toán doanh thu tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long.....	40
2.2.1.1.Phương thức bán hàng của công ty:	41
2.2.1.2.Hình thức thanh toán:	41
2.2.1.3.Tài khoản sử dụng:	41
2.2.1.4.Chứng từ sử dụng:	41
2.2.1.5.Sổ sách sử dụng:	41
2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long	52
2.2.3.Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long.....	52
2.2.4.Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long	58
2.2.4.1 Kế toán chi phí bán hàng tại công ty.....	58
2.2.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty.....	63
2.2.5.Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long	71
2.2.5.1.Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty	71
2.2.5.2..Kế toán chi phí hoạt động tài chính tại công ty	78
2.2.6.Kế toán thu nhập khác, chi phí khác tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long	85
2.2.7.Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long	97
2.2.7.1.Nội dung của xác định kết quả kinh doanh.....	97
2.2.7.2.Chứng từ sử dụng.....	97
2.2.7.3.Tài khoản sử dụng.....	97
2.2.7.4.Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty	97
3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long	105
3.1.1.Uưu điểm.....	105
3.1.2.Hạn chế.....	106

3.2.Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long	107
3.2.1 Sự cần thiết của việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long	107
3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long	108
3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long	109
KẾT LUẬN	118

LỜI MỞ ĐẦU

Người xưa có câu “ Thương trường là chiến trường” điều đó ngày càng đúng đối với nền kinh tế thị trường đang phát triển mạnh mẽ như hiện nay – một nền kinh tế đầy cạnh tranh và khốc liệt

Tham gia vào chiến trường đó, bất kì một doanh nghiệp nào muốn tồn tại phát triển cũng phải nắm vững tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình cũng như kết quả của quá trình đó. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong bất kì lĩnh vực nào cũng đều gắn với công tác quản trị tài chính mà hạch toán kế toán là bộ phận quan trọng của hệ thống quản trị tài chính. Đây là bộ phận gián tiếp góp phần tạo lên thành công chung cho các doanh nghiệp. Nó có vai trò tích cực trong việc kiểm soát và điều hành các hoạt động kinh tế, góp phần quan trọng vào quản lý tài chính nói riêng và quản lý doanh nghiệp nói chung, giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra các quyết định chính xác và hợp lí, đảm bảo hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được phát triển bền vững

Trong quá trình hạch toán kế toán việc phản ánh công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong doanh nghiệp, nó kịp thời cung cấp thông tin tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình ra quyết định và quản lý của các nhà quản trị doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có được cái nhìn toàn diện đúng đắn về tình hình kinh doanh của mình .

Xuất phát từ thực tiễn đó nên trong thời gian thực tập tại công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long em đã đi sâu vào nghiên cứu đề tài “ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp

Ngoài lời mở đầu và kết luận khóa luận gồm 3 chương sau:

Chương 1: Những lí luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2:Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Được sự hướng dẫn và giúp đỡ nhiệt tình của ThS. Hòa Thị Thanh Hương cùng các thầy cô trong khoa và sự chỉ bảo của tập thể ban lãnh đạo cùng toàn thể phòng kế toán công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long đã giúp đỡ cho em hoàn thành bài khóa luận này. Song do trình độ nghiệp vụ và hiểu biết thực tế còn hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng , ngày tháng 06 năm 2013

Sinh viên

Vũ Trà My

CHƯƠNG 1

**NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

1.1. Một số vấn đề chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu hóa chi phí), và lợi nhuận là thước đo hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu và các khoản chi phí.

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh đó thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng và đóng vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài phần doanh thu có được từ bán hàng và cung cấp dịch vụ thì doanh thu còn bao gồm khoản thu từ các hoạt động khác mang lại.

Việc tổ chức khâu tiêu thụ sẽ đảm bảo nguồn tài chính cho doanh nghiệp trang trải các khoản chi phí hoạt động và thực hiện tốt quá trình tái sản xuất, tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, doanh thu còn là nguồn cung cấp để các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước. Bên cạnh đó, doanh thu còn có thể là nguồn tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Tuy nhiên, nếu doanh thu trong kì không đủ bù đắp các khoản chi phí doanh nghiệp đã bỏ ra thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về mặt tài chính.

Bên cạnh đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn là cơ sở để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kì nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện để cung cấp các thông tin cần thiết cho ban lãnh đạo để đưa ra những phương án tối ưu cho sản xuất kinh doanh

Xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

1.1.2.Vai trò của kế toán doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Với sự phát triển kinh tế của nước nhà cùng với các chính sách mở của nhà nước, tiến trình gia nhập các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới đã đầy đủ và có hiệu lực làm cho hàng hóa xuất hiện trên thị trường Việt Nam ngày càng tăng tạo nên sức ép cho các công ty trong nước. Để đứng vững trong guồng quay của nền kinh tế thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp phải biết kinh doanh có hiệu quả, hợp lí chặt chẽ, nghiêm túc có hiệu quả công tác quản lý tiết kiệm chi phí nâng cao doanh thu, lợi nhuận.

Đương đầu với sức ép của thị trường và xu thế cạnh tranh toàn cầu, các doanh nghiệp phải tự chủ sản xuất, tự hạch toán kinh tế để có lợi nhuận cao nhất. Sử dụng các biện pháp quản lý để kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của các khoản chi phí nâng cao năng suất lao động để có hiệu quả kinh doanh cao nhất . Thực hiện được đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nhà nước, nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên về vật chất và tinh thần .

Kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong quá trình phản ánh và giám đốc tình hình sản xuất kinh doanh,giúp cho các nhà quản lý thấy được hiệu quả sản xuất kinh doanh trong kì(biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hay lỗ) từ đó có những biện pháp hoạch định cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian tiếp theo nhằm đạt hiệu quả cao hơn.

1.1.3.Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Việc ghi chép và phản ánh đúng các khoản doanh thu, chi phí là hết sức quan trọng đối với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp do đó kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có yêu cầu và nhiệm vụ:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại thành phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.
- Tham mưu các giải pháp thúc đẩy bán hàng, tăng vòng quay của vốn.

- Cung cấp các thông tin cần thiết về tình hình bán hàng cho chủ doanh nghiệp kịp thời có số liệu, tình hình chỉ đạo hoạt động mua- bán kinh doanh của doanh nghiệp

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

1.1.4. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.4.1. Doanh thu và các loại doanh thu

**** Doanh thu***

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu

**** Các loại doanh thu***

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hóa đơn, trên hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ, gồm cả phụ thu và phí thu bên ngoài giá bán (nếu có)

- Doanh thu tiêu thụ nội bộ: là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc, trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ

- Doanh thu hoạt động tài chính: bao gồm những khoản thu từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái, thu nhập về các khoản đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập về các hoạt động đầu tư khác vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Thu nhập khác: là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

*** Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng thuần mà doanh nghiệp thu được (doanh thu thuần) có thể thấp hơn doanh thu bán hàng. Doanh thu thuần là khoản chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu, bao gồm:

❖ **Chiết khấu thương mại :**

Là khoản doanh nghiệp bán giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

❖ **Giảm giá hàng bán**

Là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hay một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

❖ **Giá trị hàng bán bị trả lại**

Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

❖ **Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp:** là thuế gián thu tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông tới tiêu dùng.

❖ **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** là các loại thuế đánh vào hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng nằm trong danh mục chịu thuế tiêu thụ đặc biệt của nhà nước

❖ **Thuế xuất khẩu :** là sắc thuế đánh vào trị giá hàng hóa xuất khẩu

1.1.4.2. Chi phí và các loại chi phí

*** Chi phí**

Chi phí nói chung là sự hao phí thể hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp với mong muốn mang về một sản phẩm, dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định

*** Các loại chi phí**

❖ **Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã

được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm: chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo, chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí nhân viên bán hàng, chi phí dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

❖ Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí có liên quan tới toàn bộ hoạt động quản lý điều hành chung của doanh nghiệp, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý văn phòng, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

❖ Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như chi phí tiền lãi vay, và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi nhuận, tiền bản quyền.... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền.

❖ Chi phí khác

Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

❖ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế * Thuế suất thuế TNDN

1.1.5. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong doanh nghiệp trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Đây là chỉ tiêu tổng hợp rất quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi nhuận từ} \\ \text{trước thuế của} & = & \text{hoạt động kinh} & + & \text{hoạt động tài} & + & \text{hoạt động khác} \\ \text{doanh nghiệp} & & \text{doanh} & & \text{chính} & & \end{array}$$

Trong đó :

$$\begin{array}{ccccc} \text{Lợi nhuận gộp về bán} & & & & \text{Giá vốn hàng bán, chi} \\ \text{hàng và cung cấp} & = & \text{Doanh thu thuần} & - & \text{phí bán hàng và chi phí} \\ \text{dịch vụ} & & & & \text{quản lý doanh nghiệp} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccc} \text{Lợi nhuận từ} & & & & \\ \text{hoạt động tài} & = & \text{Doanh thu hoạt} & - & \text{Chi phí hoạt động tài} \\ \text{chính} & & \text{động tài chính} & & \text{chính} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccc} \text{Lợi nhuận từ hoạt} & & & & \\ \text{động khác} & = & \text{Thu nhập khác} & - & \text{Chi phí hoạt động} \\ & & & & \text{tài chính} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccc} \text{Lợi nhuận sau} & & & & \\ \text{thuế thu nhập} & = & \text{Lợi nhuận trước thuế} & - & \text{Chi phí thuế thu} \\ \text{doanh nghiệp} & & \text{của doanh nghiệp} & & \text{nhập doanh nghiệp} \end{array}$$

1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.****1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp****a. Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn bán hàng thông thường
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu

- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

b. Tài khoản sử dụng

❖ TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

➤ Bên nợ :

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh”

➤ Bên có :

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

➤ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

➤ Tài khoản 511 có 6 tiểu khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112- Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114- Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Tài khoản 5117- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- Tài khoản 5118- Doanh thu khác

❖ Tài khoản 512- Doanh thu bán hàng nội bộ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh

tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

➤ Bên nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào tài khoản 911 “ xác định kết quả kinh doanh”

➤ Bên có: Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán

➤ Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ

➤ Tài khoản 512 có 3 tiểu khoản cấp 2:

- Tài khoản 5121- Doanh thu bán hàng hóa

- Tài khoản 5122- Doanh thu bán các thành phẩm

- Tài khoản 5123- Doanh thu cung cấp dịch vụ

c.Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ được khái quát bằng (sơ đồ 1.1)

1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

a. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT

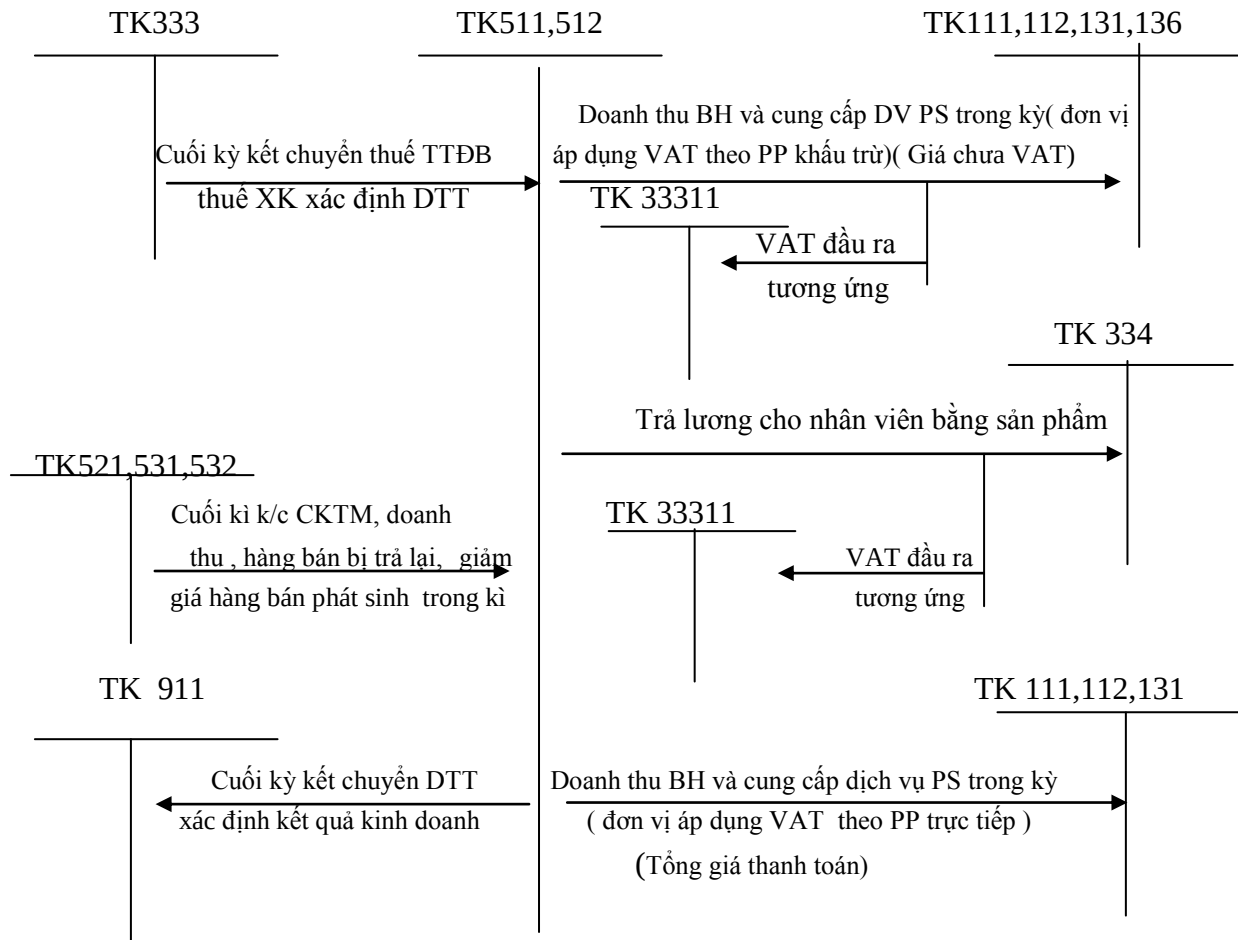
- Phiếu chi

- Phiếu nhập kho

- Giấy báo nợ của ngân hàng

- Các chứng từ khác có liên quan

Sơ đồ 1.1 – Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



b. Tài khoản sử dụng

❖ TK 521 – Chiết khấu thương mại

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng)

- Bên nợ: Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng
- Bên có: Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu của kỳ kế toán

- Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ .

- ❖ TK 531 – Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại(tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hóa đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào tài khoản 641 “chi phí bán hàng”

- Bên nợ: Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.
 - Bên có: Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc tài khoản 512 “doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.
 - Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

- ❖ TK 532 – Giảm giá hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Tài khoản chỉ phản ánh các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng kém phẩm chất...

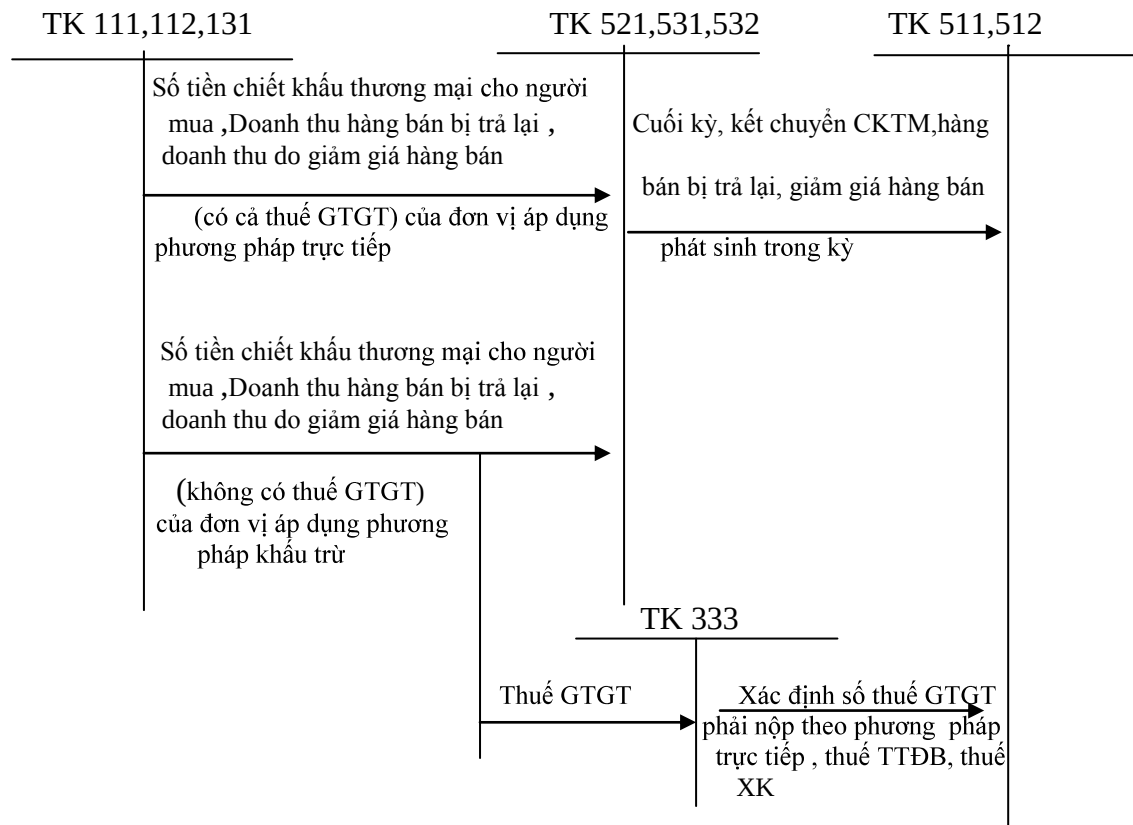
- Bên nợ: Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém , mất phẩm chất hoặc sai quy cách quy định trong hợp đồng kinh tế .
 - Bên có :Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”
 - Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra còn sử dụng TK 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” , phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu như: thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp (TK 3331), thuế tiêu thụ đặc biệt (TK 3332), thuế xuất khẩu(TK 3333)

c.Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua (sơ đồ 1.2)

Sơ đồ 1.2 – Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1. Phương pháp tính giá vốn hàng bán

Để tính giá vốn từng mặt hàng xuất kho, doanh nghiệp sử dụng một trong bốn phương pháp sau

- Phương pháp bình quân gia quyền : giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

- Phương pháp Nhập trước- Xuất trước (FIFO): theo phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm .

- Phương pháp Nhập sau – Xuất trước (LIFO): Phương pháp này dựa trên giả định là hàng nào nhập sau được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên. Phương pháp nhập sau – xuất trước thích hợp trong trường hợp lạm phát .

- Phương pháp giá thực tế đích danh: theo phương pháp này khi xuất kho vật tư chỉ căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính trị giá thực tế của vật tư xuất kho. Phương pháp này thích hợp với những hàng hóa giá trị cao gắn với những đặc điểm riêng của nó.

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Phiếu nhập kho
- Hóa đơn GTGT
- Thẻ tính giá thành
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

❖ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư. Đối với doanh nghiệp kê toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, nội dung và kết cấu của tài khoản 632 như sau:

➤ Bên nợ :

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

➤ Bên có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

➤ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán giá vốn bán hàng

a. Kê toán giá vốn theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho, tồn kho của hàng hóa trên từng tài khoản kế toán theo từng chứng từ nhập xuất .

- Giá vốn hàng bán là giá gốc của hàng hóa hoặc thành phẩm nhập kho

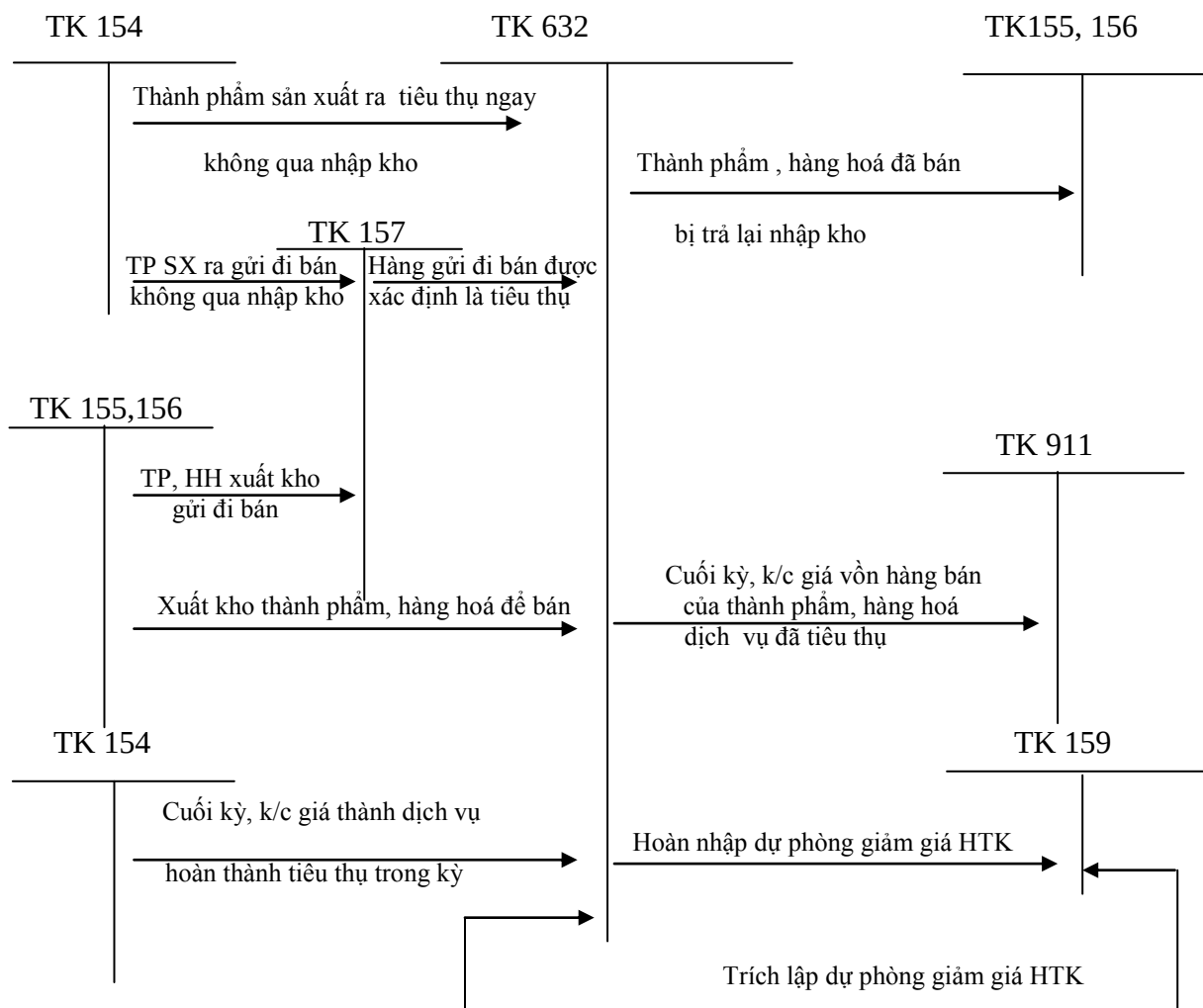
- Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua (sơ đồ 1.3)

b.Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

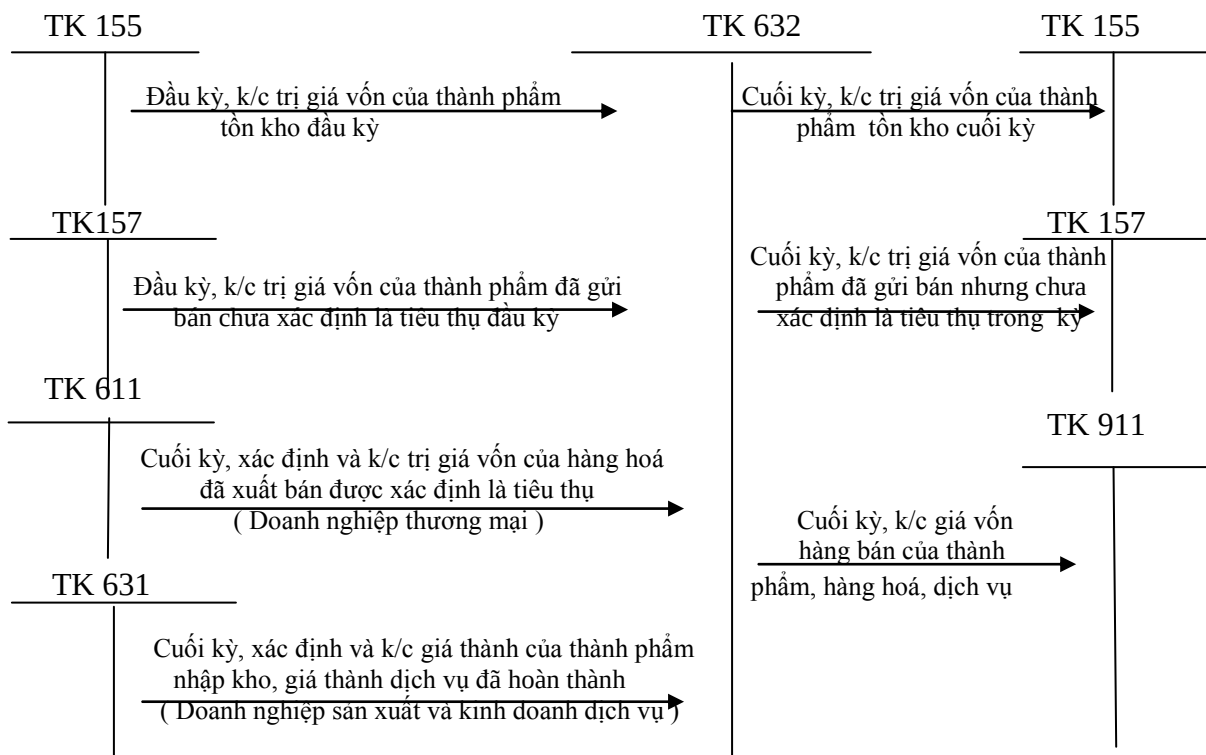
- Phương pháp KKĐK là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập – xuất – tồn của hàng hóa trên các tài khoản hàng tồn kho. Phương pháp này phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng hóa nhập kho, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên TK 611-mua hàng

-Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua (sơ đồ 1.4)

Sơ đồ 1.3 - Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.4 – Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kiểm kê định kỳ)



1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

❖ TK 641 – Chi phí bán hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

- Bên nợ : Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
- Bên có : Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
- Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ
- Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411 –Chi phí nhân viên
- Tk 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì
- TK6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414 –Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK6415 – Chi phí bảo hành
- TK 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418 – Chi phí bằng tiền khác

❖ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

➤ Bên nợ :

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm

➤ Bên có :

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

➤ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

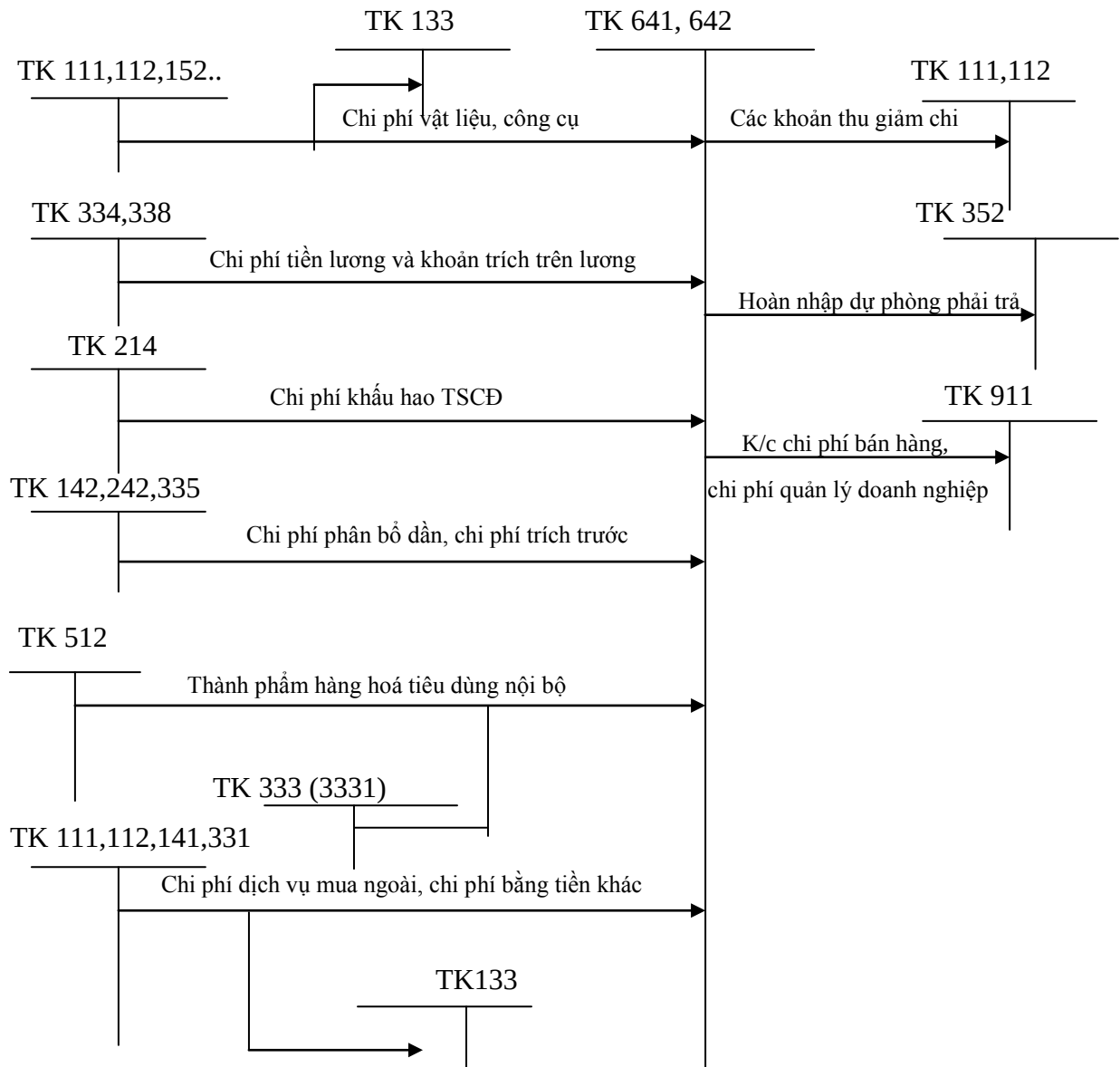
➤ Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:

- TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425 – Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426 – Chi phí dự phòng
- TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp được khái quát bằng (sơ đồ 1.5)

Sơ đồ 1.5 – Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

*** Tài khoản sử dụng**

- ❖ TK 515 – Doanh thu tài chính.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

➤ Bên nợ :

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

➤ Bên có :

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ .
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

➤ Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

*** Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính**

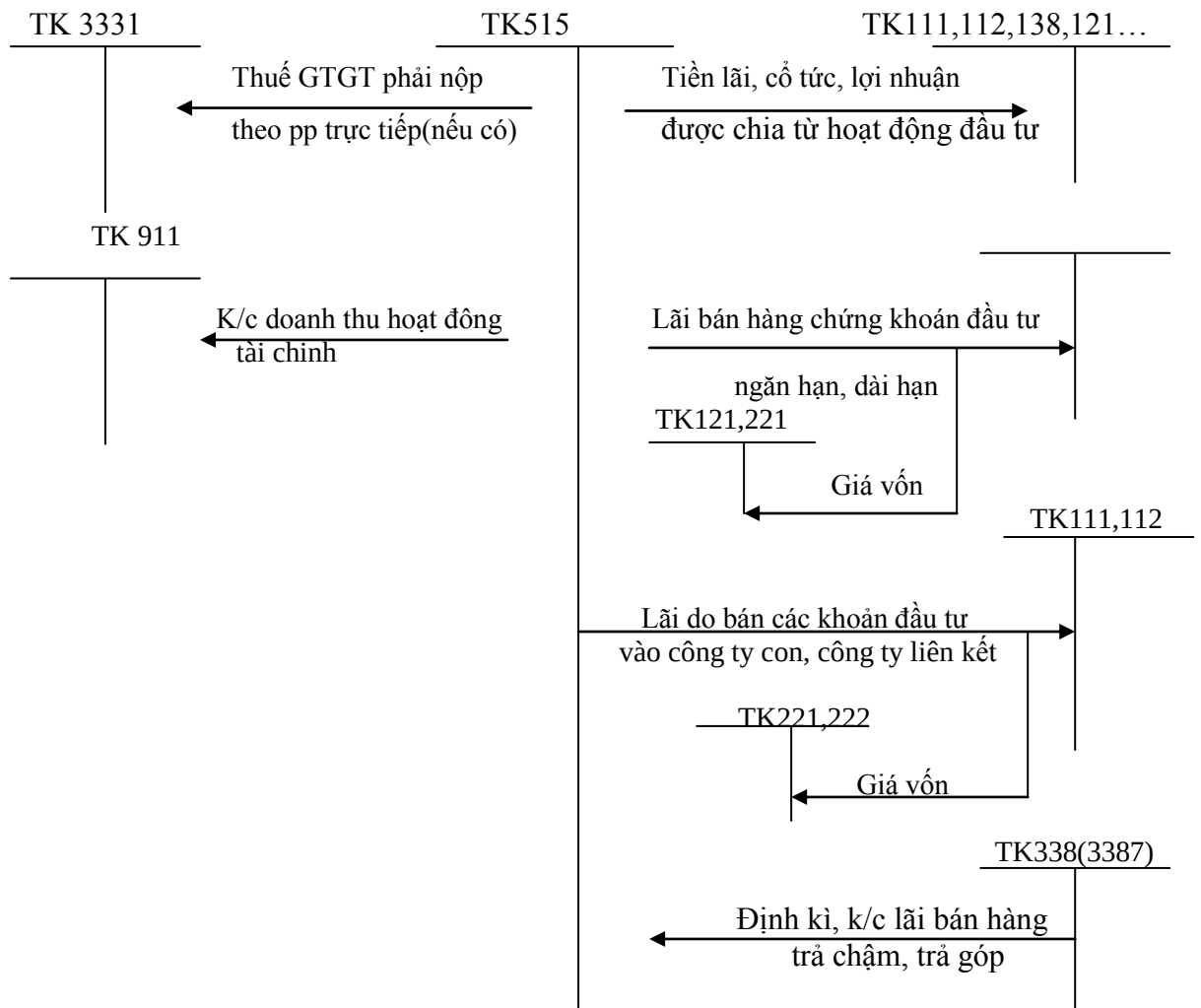
Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính được khái quát theo (sơ đồ 1.6)

1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

Sơ đồ 1.6 – Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



*** Tài khoản sử dụng**

❖ **TK 635 – Chi phí tài chính**

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

➤ **Bên nợ :**

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã được thực hiện).
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện).
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).

- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá hối đoái giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.

- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

➤ **Bên Có**

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải nộp kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).

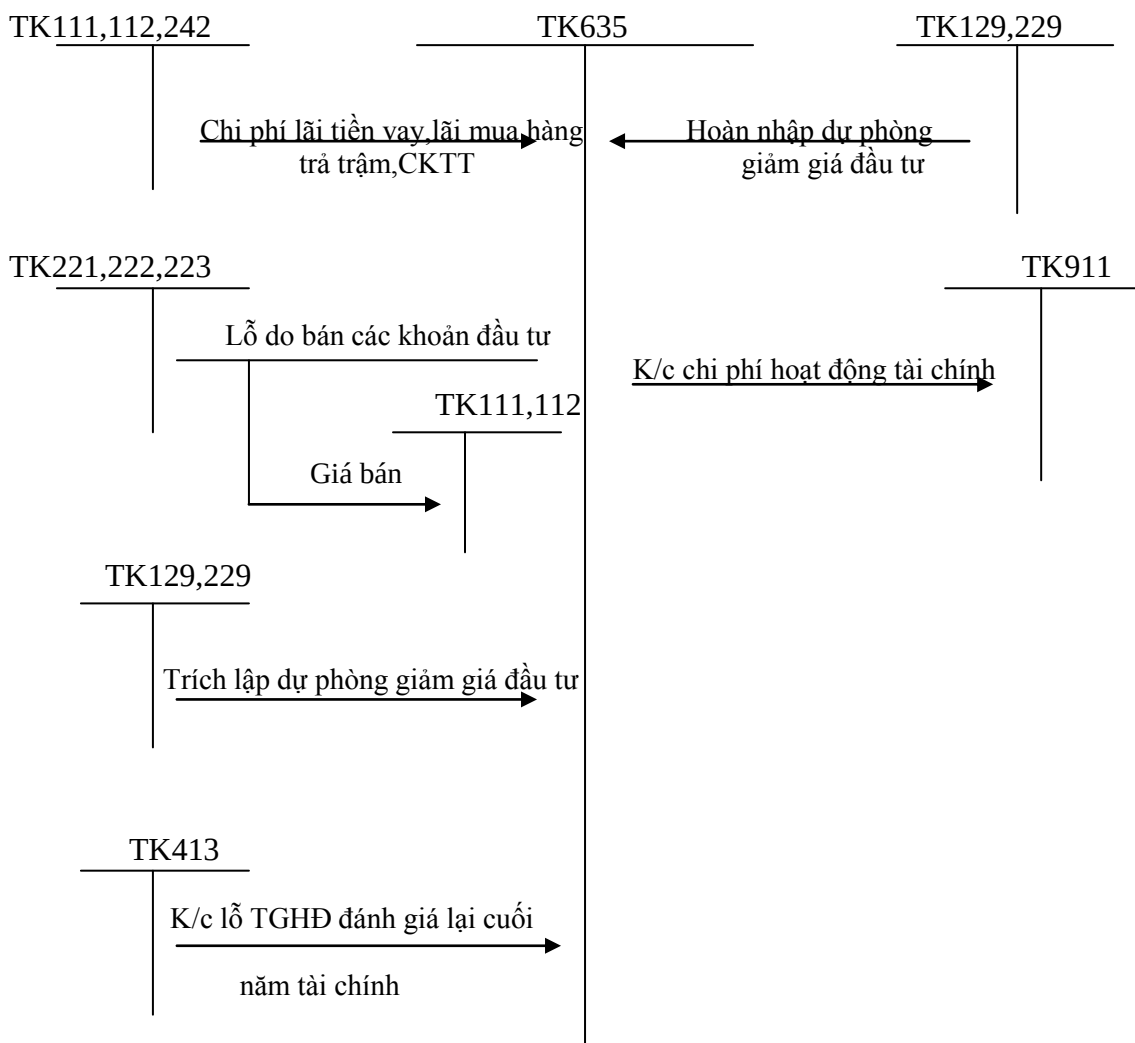
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

➤ Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

***Phương pháp hạch toán chi phí hoạt động tài chính.**

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được khái quát lần lượt theo (sơ đồ 1.7)

Sơ đồ 1.7 – Kế toán chi phí hoạt động tài chính



1.2.5. Kế toán thu nhập khác, chi phí hoạt động khác

1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác

*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng**

- ❖ TK 711 : Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp

- Bên nợ
 - Số thuế GTGT phải nộp(nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp
 - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”.
- Bên Có: Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
- Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

***Phương pháp hạch toán thu nhập khác**

Phương pháp hạch toán thu nhập khác được khái quát qua (sơ đồ 1.8)

1.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động khác

*** Chứng từ sử dụng.**

- Phiếu chi
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng.**

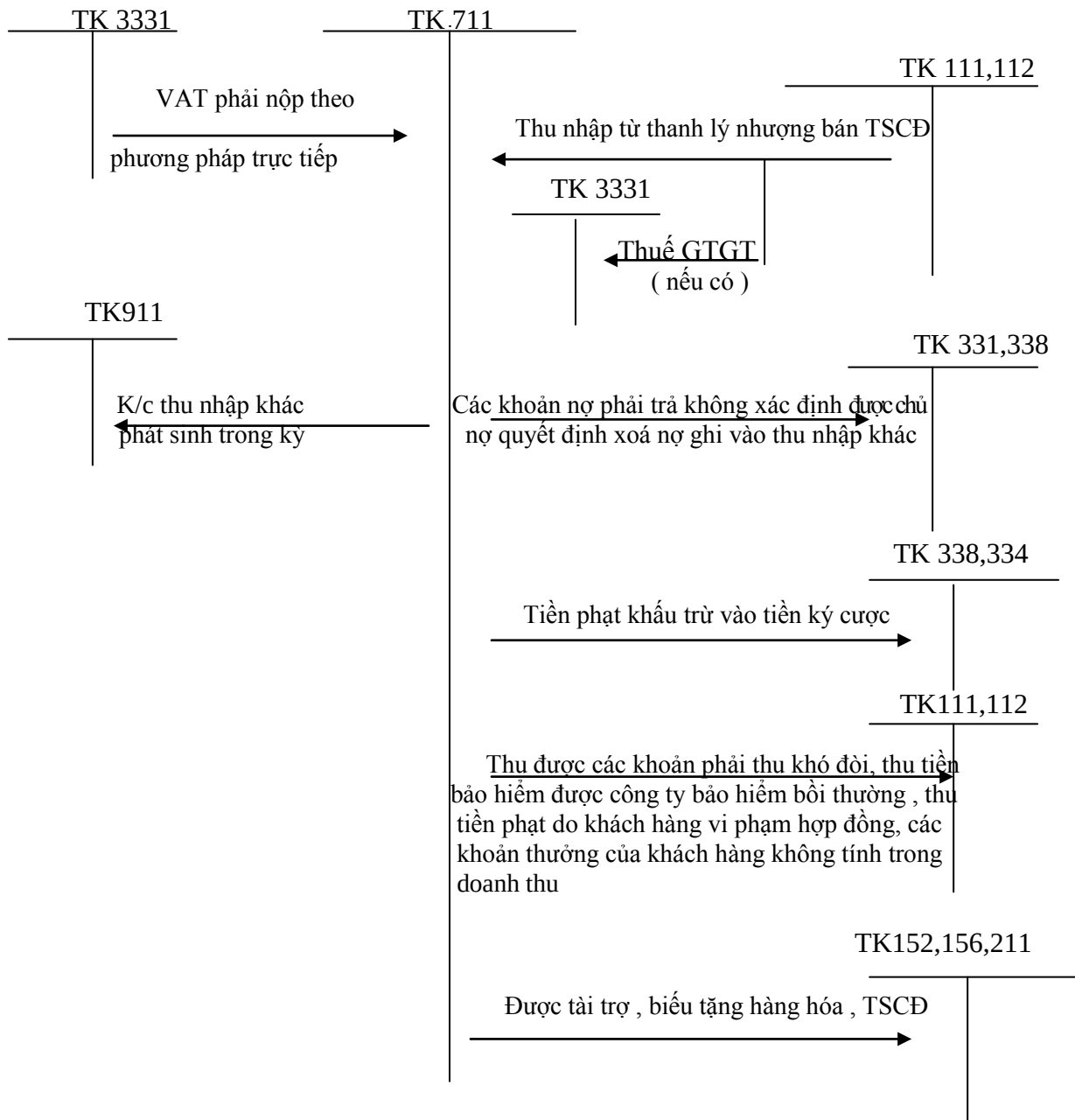
- ❖ TK 811 : Chi phí khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp

- Bên Nợ
 - Các khoản chi phí khác phát sinh
- Bên Có
 - Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.8 – Kế toán thu nhập hoạt động khác



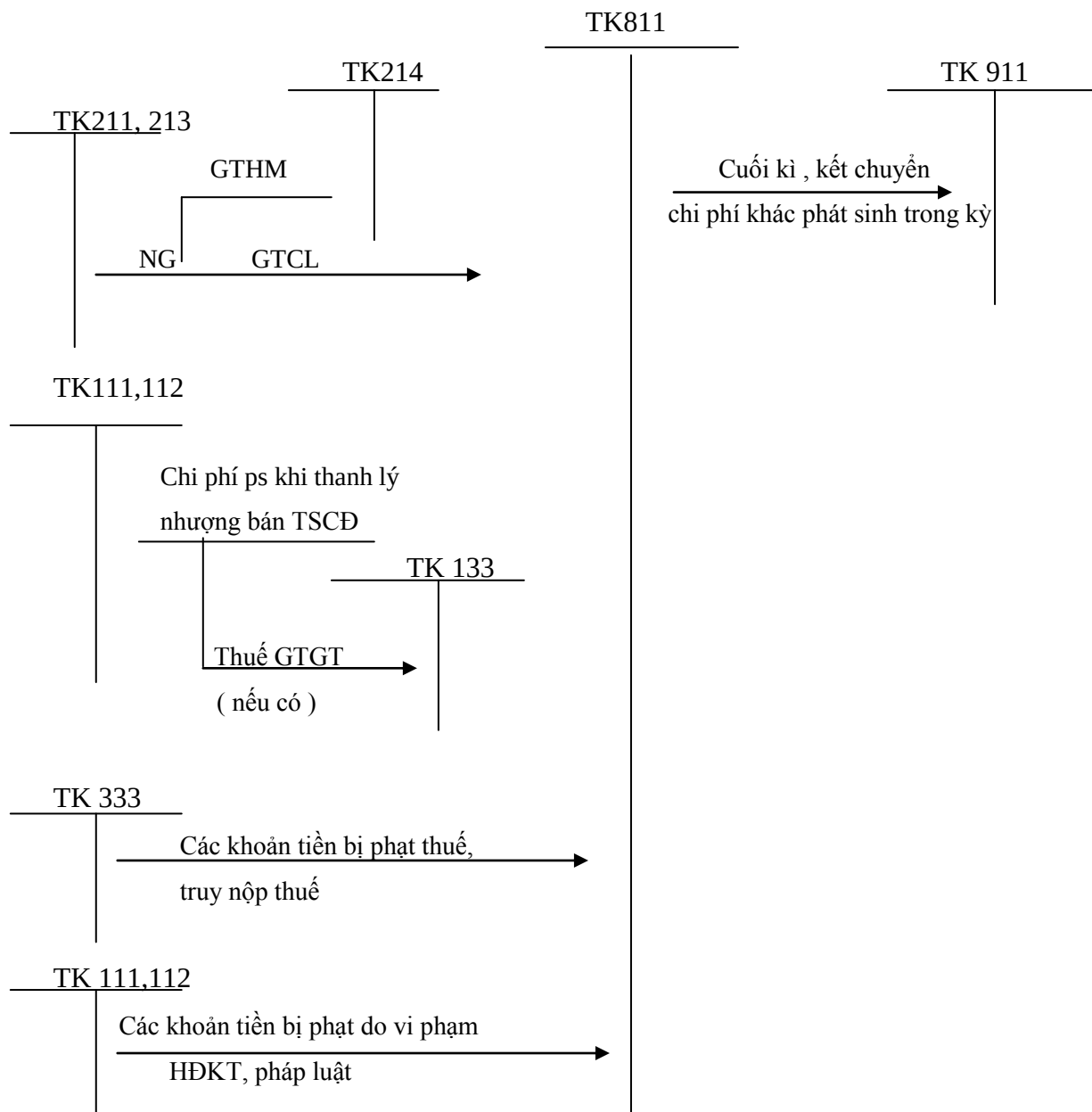
***Phương pháp hạch toán chi phí hoạt động khác**

Phương pháp hạch toán chi phí khác được khái quát qua (sơ đồ 1.9)

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Sơ đồ 1.9 – Kế toán chi phí hoạt động khác



Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường được xác định theo công thức:

$$\text{Lãi (lỗ) từ hđ sxkd bán} = \text{DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng} + \text{Doanh thu HĐTC} - \text{Chi phí HĐTC} - \text{CPBH, QLDN tính cho hàng tiêu thụ trong kỳ}$$

Trong đó : DTT = tổng doanh thu bán hàng – các khoản giảm trừ .

Kết quả hoạt động khác là các kết quả từ hoạt động bất thường khác tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác (sau khi đã trừ đi các khoản thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp nếu có) và chi phí khác.

Lãi (lỗ) hoạt động khác = Thu nhập khác – chi phí khác

Kết quả hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ có thể lãi hoặc lỗ. Nếu lỗ sẽ được xử lý bù đắp theo chế độ quy định của chế độ tài chính.

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

❖ TK 911 : Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

➤ Bên Nợ

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, BĐS đầu tư và dịch vụ đã bán .
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- Kết chuyển lãi

➤ Bên Có

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ
- DT HĐTC, các khoản TN khác và khoản ghi giảm CP thuế TNDN
- Kết chuyển lỗ

➤ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

❖ TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

➤ Bên nợ :

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm
- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

➤ Bên có :

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm.
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.
- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 821 có 2 tiểu khoản cấp 2 :

- TK 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- TK8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.
- ❖ TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh

- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh

- Nộp lợi nhuận lên cấp trên

➤ Bên Có

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của DN trong kỳ
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh

➤ TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối” có 2 tiểu khoản cấp 2 :

- TK 4211 : Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
- TK 4212 : Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

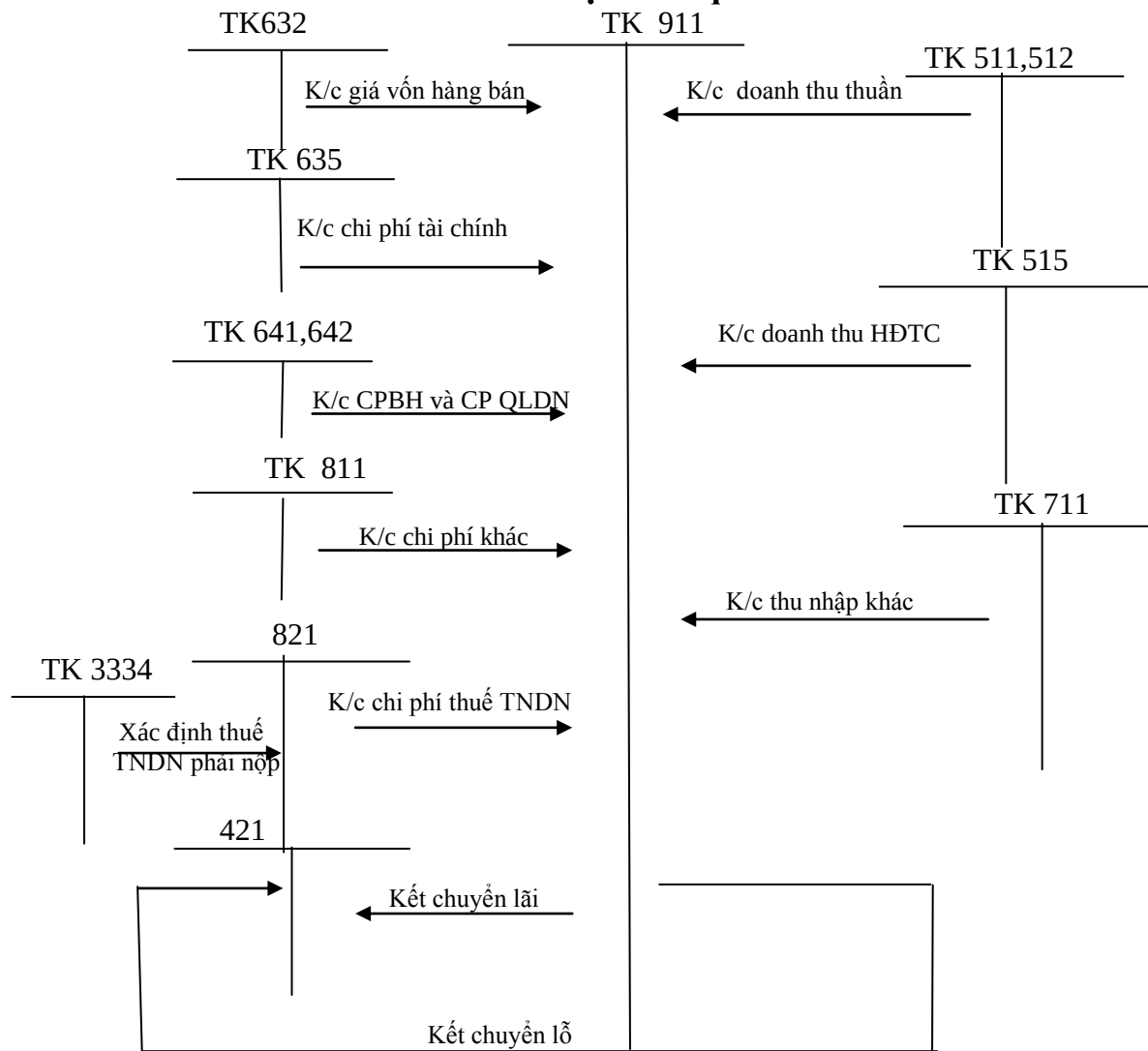
➤ TK 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có

- Số dư bên Nợ là số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý
- Số dư bên Có là số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát bằng (sơ đồ 1.9)

Sơ đồ 1.9 – Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

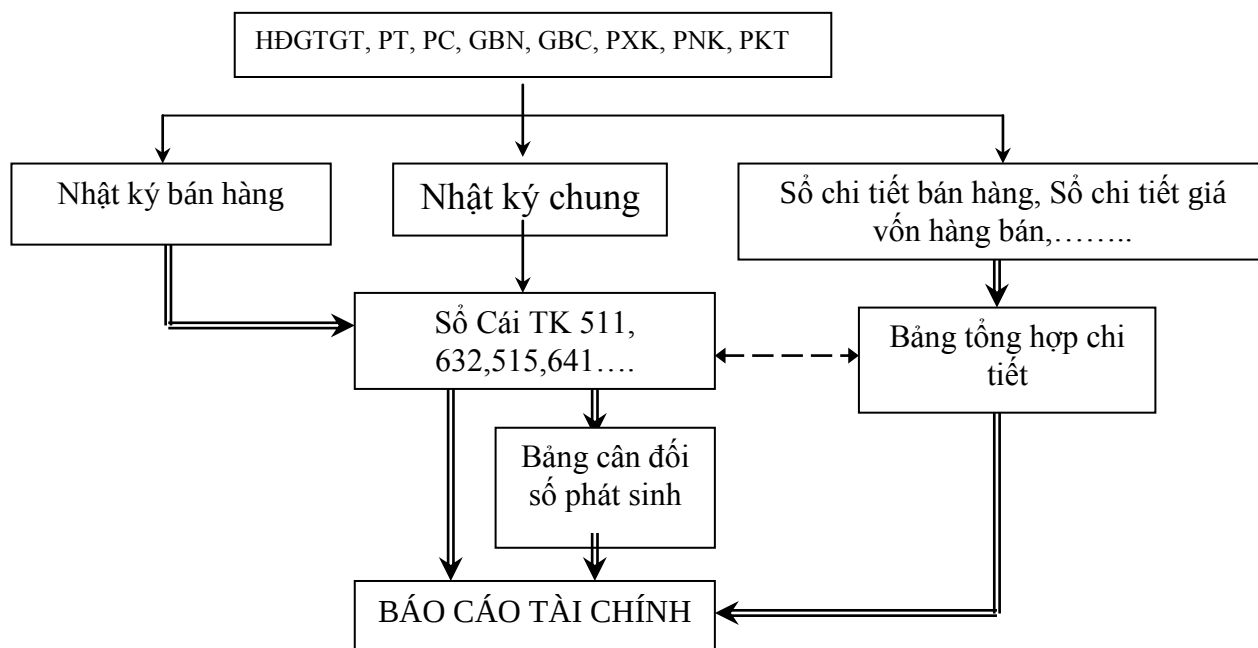
Tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình, mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và mọi thành phần kinh tế căn cứ vào quy mô, khối lượng công việc kế toán, số lượng và trình độ chuyên môn của người làm công tác kế toán để lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp cho doanh nghiệp mình trong năm hình thức kế toán sau:

1.3.1. Hình thức nhật ký chung

Hình thức Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu:

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



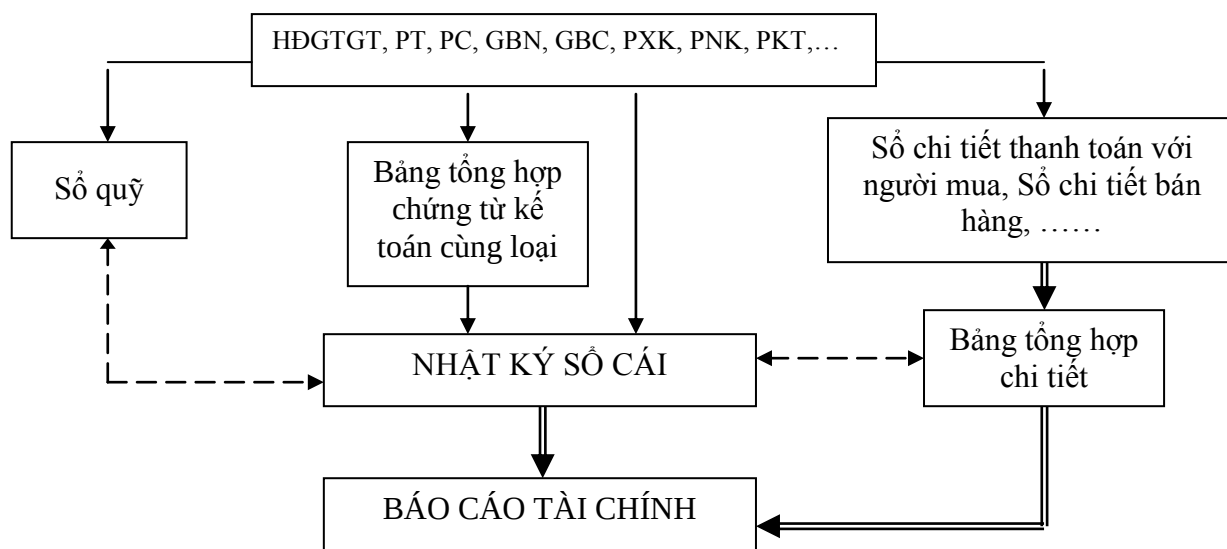
Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu

1.3.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái

Hình thức này bao gồm các loại sổ :

- Nhật ký sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



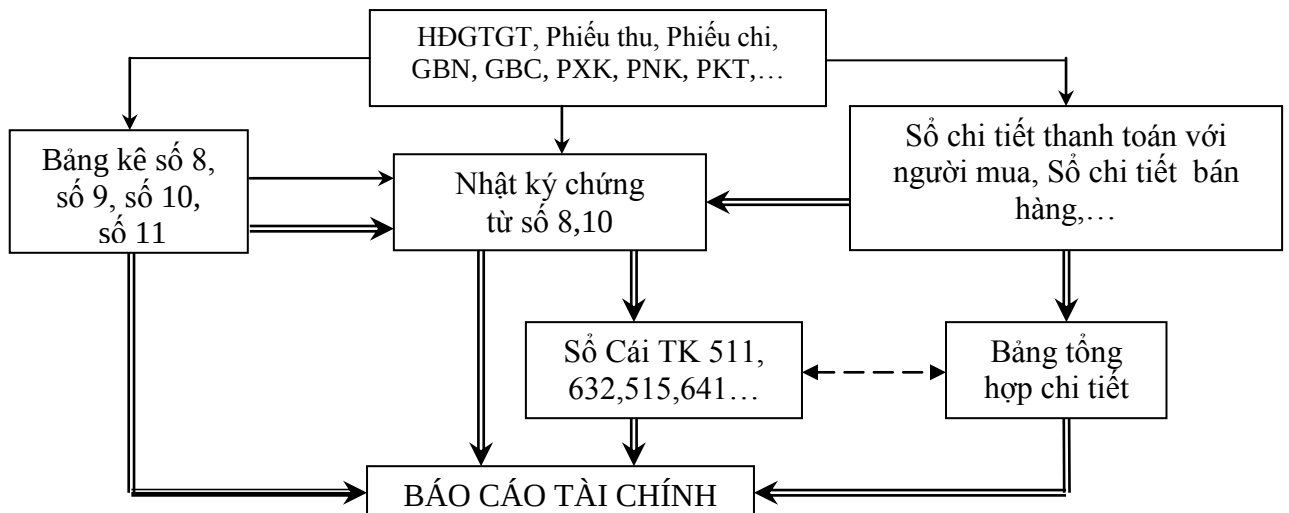
Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu

1.3.3. Hình thức Nhật ký chứng từ

Hình thức này gồm các sổ :

- Nhật ký chứng từ, bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

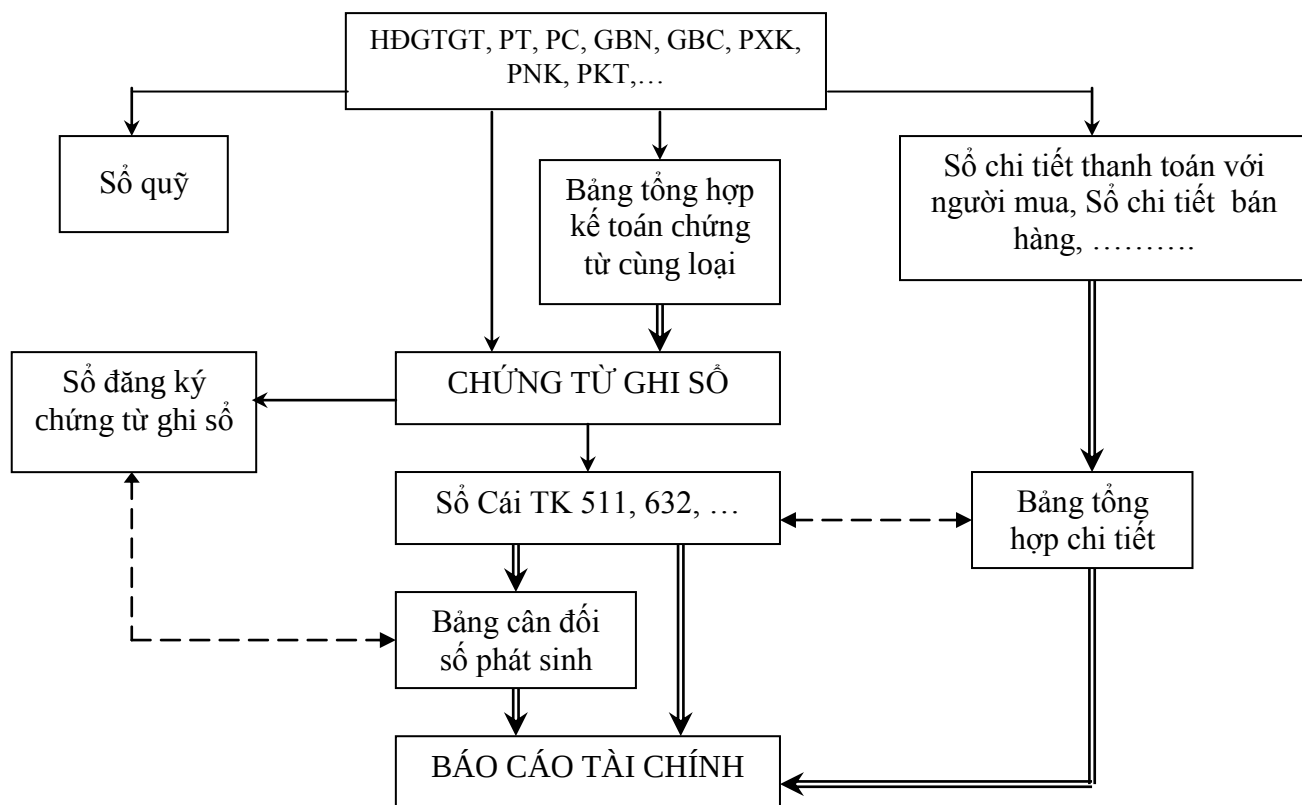


Ghi chú $\longrightarrow$ Ghi hàng ngày
 $\Longrightarrow$ Ghi cuối tháng
 $\longleftrightarrow$ Đối chiếu

1.3.4. Hình thức chứng từ ghi sổ

Hình thức này gồm các sổ :

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ và thẻ kế toán chi tiết



Ghi chú

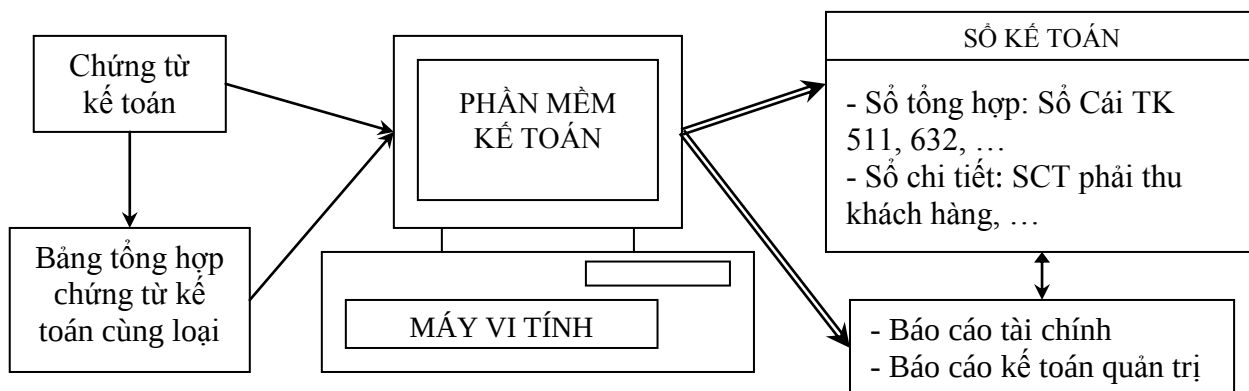
→ Ghi hàng ngày

⇒ Ghi cuối tháng

↔ Đối chiếu

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Hình thức sổ kế toán trên máy vi tính : hình thức nào sẽ có loại sổ kế toán của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán bằng tay.



Ghi chú

→ Ghi hàng ngày

⇒ Ghi cuối tháng

↔ Đối chiếu

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long

- Tên giao dịch: Công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
- Tên tiếng anh: HAI LONG COMPANY
- Tên công ty viết tắt: Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải long
- Giám đốc: Nguyễn Lê Hạnh
- Mã số thuế: 0200109519
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 108 đường Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, Hải Phòng.
- Điện thoại: (031)842132/841667
- Fax: (031)669.170
- E – mail: hailongshipyard@hn.vnn.vn
- Website: <http://www.ckt.gov.vn/hailong>
- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải long

Công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long thành lập năm 1955 là một doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng chuyên sửa chữa đóng mới tàu thủy của Quân chủng Hải quân, là cơ sở của Hải quân nhân dân Việt Nam tiếp quản từ một xưởng của Pháp để lại sau năm 1954.

Với vị trí địa lý bên bờ sông Cấm, thuận lợi về cả đường sắt, đường bộ và đường thủy, cùng với sự phát triển của thành phố Hải Phòng, nơi đây là trung tâm của ngành công nghiệp đóng tàu Việt Nam, là thành phố nằm trong tam giác công nghiệp Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh do đó công ty có thể rất thuận lợi phát triển theo những chức năng kinh doanh, theo ngành nghề kinh doanh đã được đăng ký.

Sau năm 1954 Hải quân nhân dân Việt Nam tiếp quản và trực tiếp giao cho công ty Hải Long làm cơ sở đảm bảo kỹ thuật chủ yếu cho các tàu của quân chủng Hải quân.

Trong giai đoạn 1954 đến 1975 với nhiệm vụ, trọng trách của Đảng, Nhà nước ; Quân đội trực tiếp là quân chủng Hải quân giao phó vừa sản xuất vừa chiến đấu chống lại các cuộc chiến tranh leo thang bắn phá miền bắc của Đế quốc Mỹ nhằm chặn đứng cửa ngõ lưu thông thương quốc tế cũng như nội địa của nước ta.

Trong những năm gần đây đáp ứng nhu cầu đòi hỏi cao của công nghệ tiên tiến, hiện đại trên thế giới, nhà máy đã được Đảng, Nhà nước và Bộ quốc phòng, Quân chủng Hải quân tập chung đầu tư mở rộng, nâng cao năng lực sản xuất của công ty với hàng loạt nhà xưởng, hàng trăm mét đường giao thông nội bộ được làm mới, đặc biệt là hệ thống cầu cảng: tiêu, ụ chìm, đảm bảo cho các tàu có trọng tải lớn (trên 1000 tấn) lên xuống an toàn

Với lòng say mê yêu nghề, tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc công ty đã vươn lên phát triển lớn mạnh trở thành một trong những doanh nghiệp đóng mới các loại tàu có yêu cầu kỹ thuật công nghệ cao đòi hỏi phải có tiêu chuẩn chất lượng kỹ thuật và mỹ thuật.

Thuận lợi và khó khăn :

+ **Thuận lợi:**

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ và tạo điều kiện của Thủ trưởng Bộ Tư lệnh, Thủ trưởng Cục Kỹ thuật, các cơ quan chức năng của Quân chủng, Cục Kỹ thuật và các cơ quan cấp trên
- Công ty có bề dày kinh nghiệm trong đóng mới và sửa chữa các loại tàu thuyền và phương tiện nổi với đội ngũ CB-CNV được đào tạo cơ bản trong và ngoài nước, có năng lực quản lý và điều hành, sáng tạo trong sản xuất, luôn tích cực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Công ty nhiều năm liên tục được chọn là đơn vị điểm trong thực hiện đột phá của Quân chủng, Cục Kỹ thuật Hải Quân do đó mọi hoạt động trên các lĩnh vực đã đi vào nề nếp có chiều sâu.
- Tập thể công ty đoàn kết, năng lực chuyên môn bộ máy quản lý được nâng cao là cơ sở để thực hiện có hiệu quả, toàn diện trong các mặt hoạt động của Nhà máy.

+ **Khó khăn:**

- Tình hình khủng hoảng kinh tế tài chính thế giới vẫn tiếp diễn, nền kinh tế trong nước chịu ảnh hưởng mạnh mẽ theo hướng bất lợi. Tình trạng thiếu việc làm vẫn

diễn ra phổ biến ở các doanh nghiệp, đặc biệt là đối với các đơn vị liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực tàu thuyền (hơn 10.000 lao động mất việc làm);

- Giá các mặt hàng thiết yếu phục vụ cho sản xuất như: xăng, dầu, điện, nước nguyên vật liệu ... biến động tăng làm ảnh hưởng đến chi phí sản xuất
- Vốn đầu tư cho các dự án còn thiếu, việc huy động vốn rất khó khăn, một số dự án đóng mới tàu còn bị kéo dài do nguyên nhân khách quan đến từ phía khách hàng
- Tổ chức biên chế, bộ máy quản lý về quân số có chiều hướng giảm nhưng vẫn chưa tinh gọn. Công ty đã chủ động dịch chuyển cơ cấu lao động xong có thời điểm vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đề ra. Chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế theo yêu cầu; ý thức trách nhiệm của một số người lao động còn chưa cao

2.1.2.Chức năng, nhiệm vụ của công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long

❖ Ngành nghề kinh doanh của công ty:

- Sản xuất các sản phẩm bằng kim loại, gia công cơ khí phục vụ đóng mới và sửa chữa tàu.
- Đóng mới và sửa chữa tàu, phương tiện thủy vỏ thép, vỏ gỗ hợp kim nhôm vật liệu phi kim loại.
- Dịch vụ kỹ thuật.
- Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị vật tư, phục tùng phục vụ đóng mới các loại tàu cao tốc , tàu chở khách, tàu chở dầu, tàu chở hàng trọng tải lên đến 5000 tấn, tàu kéo, các loại xuồng cao tốc vỏ hợp kim.
- Đặc điểm của doanh nghiệp là sản xuất mặt hàng đơn chiếc theo đơn đặt hàng nên chu trình sản xuất kéo dài từ năm này sang năm khác và có thể cùng 1 lúc doanh nghiệp thực hiện nhiều đơn đặt hàng.

❖ Công nghệ sản xuất chủ yếu đang thực hiện:

Các loại tàu cao tốc, tàu kỹ thuật, tàu công trình, tàu hàng... đóng mới tại Công ty đều thực hiện theo đúng quy trình, quy phạm đóng tàu. Các nhà xưởng được bố trí theo từng ngành với sự chuyên môn hoá cao và bố trí nhiều thiết bị công nghệ kỹ thuật hiện đại như: máy cắt tự động CNC, máy cắt plasma, các máy hàn tự động, bán tự động trong khí bảo vệ, các thiết bị nâng hạ chuyên dùng, hệ thống làm sạch bề mặt kim loại trong buồng kín, trạm thử công suất động cơ diesel,...

Hệ thống triển dọc và triển ngang đồng bộ rất thuận lợi và đảm bảo cho công tác đóng mới hạ thủy nhiều phương tiện trong cùng một khoảng thời gian.

Đặc điểm nổi bật về công nghệ: Sử dụng phần mềm phóng dạng trên máy vi tính kết hợp với máy cắt CNC tiết kiệm nhiều chi phí và rút ngắn thời gian thi công.

❖ Sản phẩm chủ yếu:

- Đóng mới : Tàu vận tải 450 tấn; Tàu kéo 135 CV; Tàu kéo 600CV; Tàu tiếp tế, kiểm tra các đèn biển H159; Tàu chở khách; Tàu tuần tra cao tốc TT200; Xuồng cao tốc các loại; Tàu cao tốc K62, tàu 205, tàu TT200

- Sửa chữa: tàu vận tải có trọng tải đến 1.000 tấn, tàu cá có trọng tải 1.000 tấn;

* Sản phẩm dự kiến phát triển trong thời gian tới:

- Đóng mới tàu cao tốc 400T;

- Đóng mới tàu cá, tàu vận tải có trọng tải 2.000 tấn;

- Sửa chữa máy MTU (công suất đến 3.700CV);

- Gia công chế tạo hệ trục chân vịt tàu cao tốc.

2.1.3. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long

Công ty đã xây dựng một công nghệ đóng mới sửa chữa tàu khép kín được bắt đầu từ lúc chạy thử khảo sát động lực, tiếp nhận tàu và đóng mới sửa chữa đến lập kế hoạch đóng mới, nghiệm thu bàn giao.

Quá trình đóng mới thường rất dài qua nhiều công đoạn, thời gian bình quân cho một con tàu và sửa chữa đến khi nghiệm thu thường khoảng 60 ngày.

Trong một vài năm gần đây để tự khẳng định mình và đứng trước những khó khăn của nền kinh tế đất nước, sự cạnh tranh khốc liệt của nền kinh tế thị trường. Nhà máy tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ, cử nhiều cán bộ đầu ngành và công nhân lành nghề sang các nước Đông Âu kể cả một số nước Tây Âu có nền công nghiệp đóng tàu phát triển học tập công nghệ đóng tàu và nâng cao công nghệ đóng tàu có trọng tải lớn, tàu cao tốc có vỏ hợp kim. Tháng 8/1999 công ty cắt băng khánh thành bàn giao và đưa vào sử dụng một nhà xưởng đóng tàu cao tốc vỏ hợp kim khép kín từ việc đấu hạ liệu, phóng dạng, lắp ráp tổng đoạn, gắn máy trang trí nội thất, sơn tàu, đến hạ thủy, chạy thử bàn giao. Đây là dây chuyền công nghệ cao phục vụ đóng tàu chiến của Liên Bang Nga giúp ta. Nó còn đòi hỏi tính chính xác cao trong sản xuất, căn chỉnh trọng tâm của tàu đảm bảo khi xuất xưởng hạ thủy chạy thử và bàn giao đạt chất lượng tuyệt đối về yêu cầu, kỹ thuật và chất lượng.

Tài sản của doanh nghiệp do nhà nước bàn giao cho công ty và người lao động quản lý và sử dụng để phát triển sản xuất kinh doanh trong đó giám đốc là người chịu trách nhiệm chính cùng tập thể những người lao động sử dụng đúng đắn hợp lý, hiệu quả các loại vật tư, lao động, tiền vốn cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. doanh nghiệp có trách nhiệm bảo toàn vốn và làm trách nhiệm đối với nhà nước theo đúng chế độ hiện hành. Doanh nghiệp quan tâm đến mục tiêu lợi nhuận và các mục tiêu xã hội dân sinh môi trường sinh thái và các vấn đề khác.

2.1.4.Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long.

Hiện nay công ty có 9 phòng ban và 5 phân xưởng (sơ đồ 2.1).

Chức năng, nhiệm vụ của mỗi bộ phận như sau:

❖ Giám đốc:

Giám đốc chịu trách nhiệm chung và chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, thông qua năm đồng chí phó giám đốc và các phòng, ban, quân đội, quân chủng Hải quân và tập thể những người lao động về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn nhà máy, điều hành nhà máy theo kế hoạch đã được phê duyệt. Chấp nhận nghị quyết của Đảng ủy, nghị quyết của đại hội công nhân viên chức, chịu trách nhiệm trước nhà nước và cán bộ công nhân viên về quản lý tài sản, lao động, vật tư, tiền vốn, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn lao động của toàn công ty, đề nghị tăng giảm đội ngũ công nhân cho phù hợp với công việc của công ty, không ngừng nâng cao chất lượng quản lý

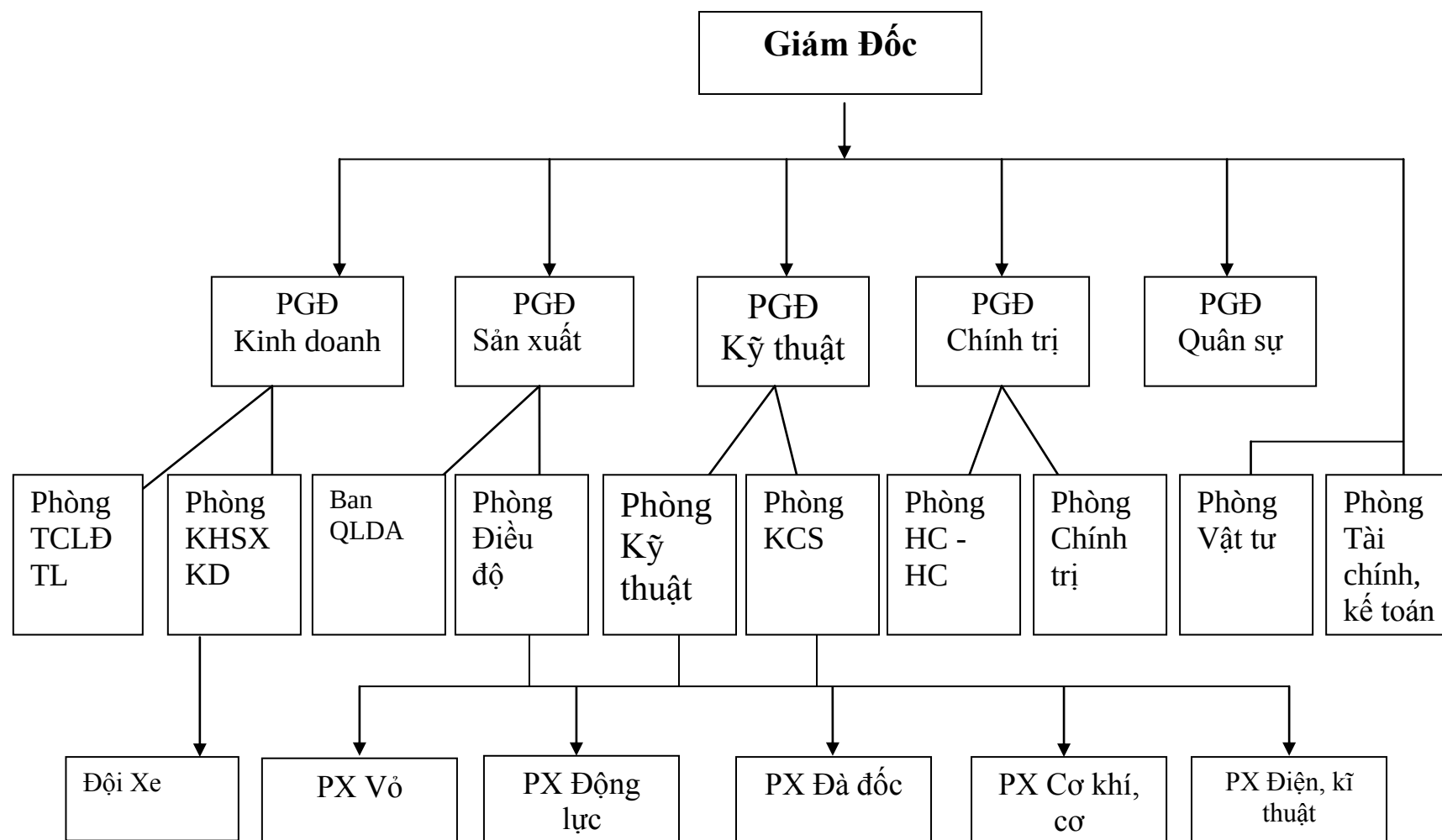
❖ Phó giám đốc:

Chịu trách nhiệm giúp giám đốc theo dõi những công việc chuyên trách được phân công làm tròn nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc hoạt động sản xuất kinh doanh và những vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của mình chỉ đạo các phòng, ban, phân xưởng thực hiện đúng kế hoạch sản xuất và công tác. Thay quyền giám đốc khi giám đốc đi vắng và được ủy quyền ký thay

Trong đó:

- Phó giám đốc kỹ thuật và phó giám đốc sản xuất: phụ trách công tác kỹ thuật, sản xuất của nhà máy, tổ chức chỉ đạo điều hành sản xuất, trực tiếp phụ trách phòng kỹ thuật, phòng KCS và phòng điều động, đội xe.

Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long



- Phó giám đốc chính trị: Phụ trách công tác Đảng, công tác chính trị, công tác an ninh nội bộ của nhà máy, trực tiếp phụ trách phòng chính trị, phòng tài chính, phòng hậu cần.

- Phó giám đốc quân sự: Phụ trách công tác nghĩa vụ quân sự của các đồng chí cán bộ, công nhân trong công ty.

❖ **Khối phòng ban**

- Phòng KTCN: chịu trách nhiệm về công tác kỹ thuật của các sản phẩm sửa chữa và đóng mới tại công ty và công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

- Phòng KH-LĐ: chịu trách nhiệm về công tác kế hoạch công tác giá thành, công tác thị trường, công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng, công tác quản lý lao động, chế độ chính sách và công tác đào tạo huấn luyện của công ty.

- Phòng điều độ sản xuất: chịu trách nhiệm về công tác điều độ sản xuất, công tác an toàn bảo hộ lao động, công tác quản lý máy móc thiết bị của công ty.

- Phòng KCS: chịu trách nhiệm kiểm tra, nghiệm thu đánh giá chất lượng sản phẩm sản xuất và chế tạo tại công ty.

- Đội xe: là đơn vị quản lý và sử dụng các phương tiện vận tải phục vụ quá trình sản xuất và công tác của công ty.

- Phòng vật tư: chịu trách nhiệm mua cung ứng vật tư theo dự trù và định mức của các phòng ban nghiệp vụ liên quan để đảm bảo quá trình sản xuất không bị gián đoạn.

- Phòng tài chính kế toán: là cơ quan tham mưu và đồng thời chịu trách nhiệm quản lý tài chính của công ty.

- Phòng HCHC: là cơ quan tham mưu đồng thời là cơ quan quản lý, tổ chức thực hiện công tác hành chính hậu cần của công ty.

- Phòng chính trị: là cơ quan chủ trì thực hiện công tác đoàn, công tác chính trị của công ty.

❖ **Các phân xưởng:**

- Phân xưởng động lực: sửa chữa và đóng mới phần máy thiết bị động lực, thi công lắp đặt phần van ống và hệ trục chân vịt, hệ lái.

- Phân xưởng vỏ tàu: sửa chữa và đóng mới phần vỏ tàu và các kết cấu liên quan đến vỏ tàu.

- Phân xưởng đà đốc: sửa chữa và đóng mới phần mộc, sơn trang trí và chịu trách nhiệm đưa các tàu lên, xuống triền hoặc ra đà đốc.

- Phân xưởng cơ khí - cơ điện: gia công các chi tiết cụm chi tiết phục vụ công tác sửa chữa và đóng mới tàu và chịu trách nhiệm sửa chữa máy móc thiết bị và điện của công ty.

- Phân xưởng điện - khí tài: sửa chữa và đóng mới phần điện thiết bị thông tin hàng hải.

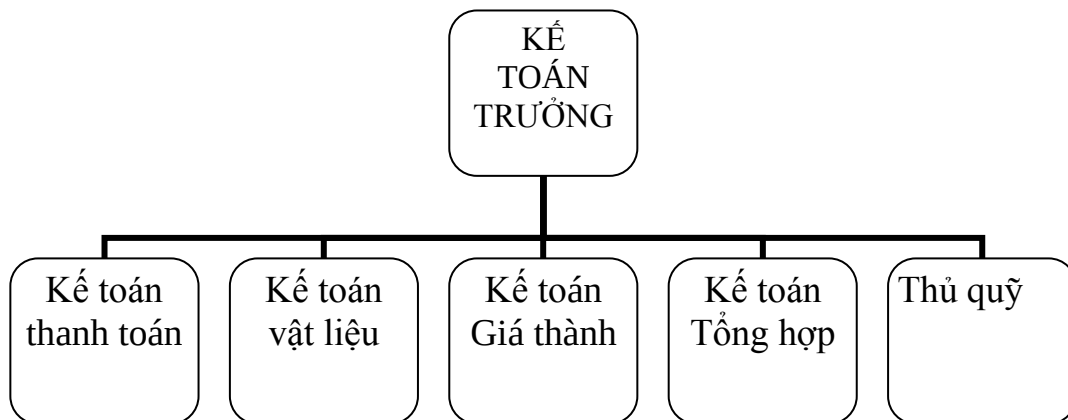
2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long.

2.1.5.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Tổ chức bộ máy kế toán của công ty theo mô hình tổ chức kế toán tập trung.

Toàn công ty có 1 phòng tài chính kế toán. Mọi chứng từ số liệu đều tập trung gửi về đây, tại đây sẽ tổ chức mọi hoạt động thống kê

SƠ ĐỒ BỘ MÁY KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY HẢI LONG



Sơ đồ 2.2 : Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

+*Kế toán trưởng*: Giúp việc cho GD, bao quát chung toàn bộ tình hình tài chính. Bên cạnh đó trưởng phòng tài chính còn thường xuyên kiểm tra việc ghi chép ban đầu, báo cáo quyết toán theo quy định, tổ chức bản quản hồ sơ tài liệu theo chế độ lưu trữ. Ngoài ra các trưởng phòng còn có nhiệm vụ thông tin hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà máy để điều hành, kiểm tra bộ máy kế toán, chịu trách nhiệm về nghiệp vụ chuyên môn kế toán tài chính của công ty.

+*Kế toán thanh toán*: theo dõi công nợ của khách hàng, các khoản thanh toán liên quan đến tiền mặt, tiền gửi, kê khai thuế VAT đầu vào, thuế VAT đầu ra của công ty.

+*Kế toán vật liệu*: theo dõi quá trình nhập – xuất – tồn kho, tổng hợp chi phí về NVL và CCDC.

+*Kế toán giá thành*: theo dõi nguồn vốn tình hình tăng giảm, tài sản cố định khấu hao, xây dựng cơ bản và tính giá thành sản phẩm.

+*Kế toán tổng hợp*: theo dõi các vấn đề liên quan đến vấn đề tình hình tài chính tổng hợp số liệu do các kế toán của từng bộ phận cung cấp để vào sổ cái, lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

+*Thu quỹ*: lập các bảng lương và bảng thanh toán tiền lương cho cán bộ, công nhân viên. Theo dõi các khoản trích nộp bảo hiểm y tế bảo hiểm xã hội và kinh phí công đoàn.

2.1.5.2. Các chính sách kế toán tại Công ty

- Công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành cùng các thông tin sửa đổi, hướng dẫn ban hành kèm theo.

- Công ty Hải Long có niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- Thước đo tiền tệ trong ghi chép kế toán là Việt Nam Đồng, nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác áp dụng theo tỷ giá quy đổi thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

- Công ty tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

- Kế toán thuế theo phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp tính giá là : Bình quân gia quyền cả kì dự trữ

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

2.1.5.3. Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty

- Hình thức sổ kế toán ở công ty Hải Long là hình thức CHỨNG TỪ GHI SỔ

- Đặc trưng của hình thức kế toán CTGS:

+Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

+Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

-Chu trình hạch toán kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ của công ty được khái quát theo (Sơ đồ 2.3)

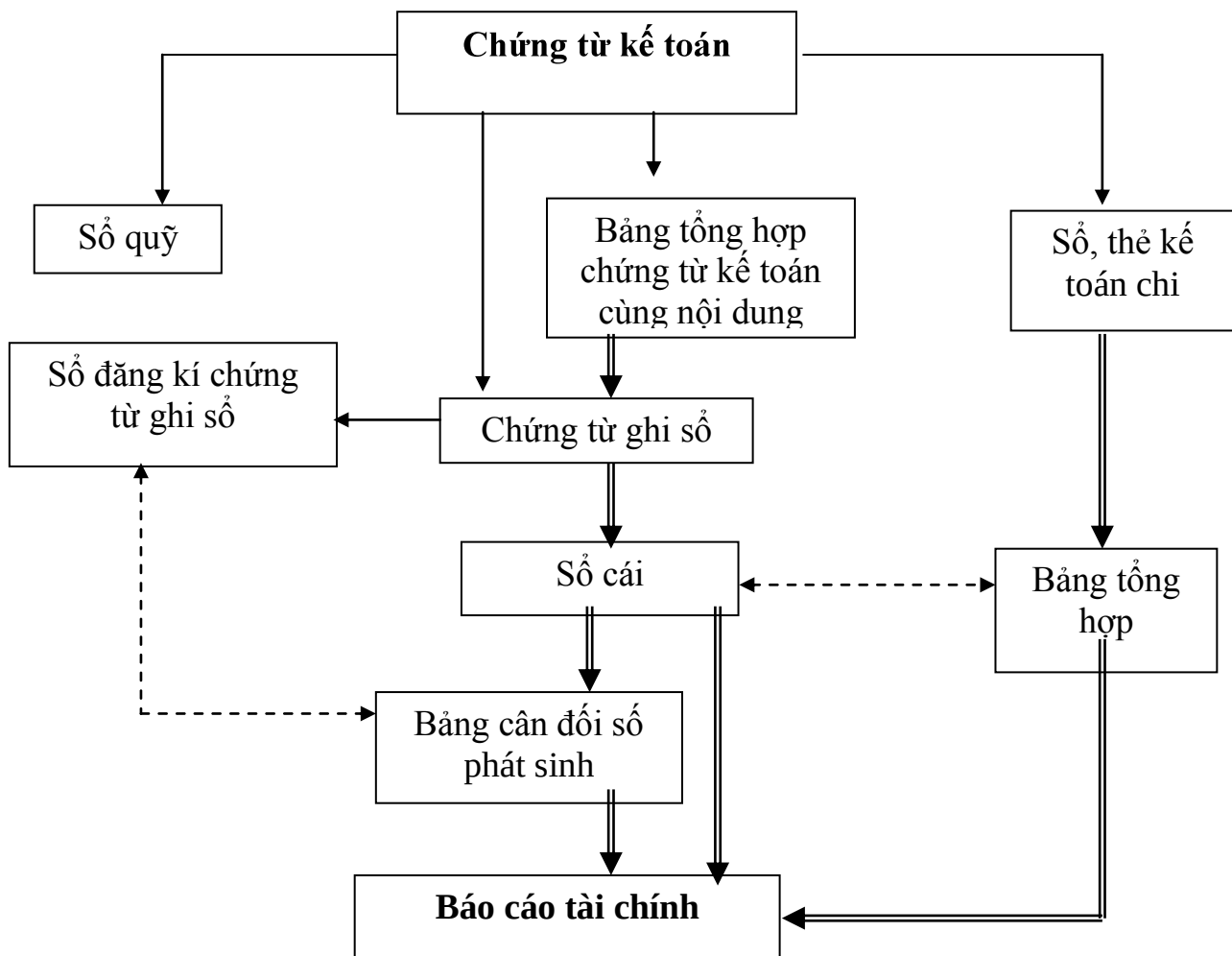
2.2.Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long

2.2.1.Kế toán doanh thu tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long

- Doanh thu chủ yếu của công ty Hải Long bao gồm doanh thu đóng tàu doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu khác (do thanh lý tài sản).

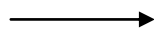
- Do đặc thù đơn vị sản xuất sản phẩm đơn chiếc theo đơn đặt hàng và hợp đồng kinh tế, các sản phẩm thường có giá trị lớn.

Sơ đồ 2.3 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải long



Ghi chú:

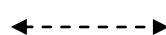
Ghi hàng ngày:



Ghi cuối kì:



Đối chiếu, kiểm tra:



2.2.1.1. Phương thức bán hàng của công ty:

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế giữa hai bên, khách hàng muốn đóng tàu thì phải ứng trước một số tiền nào đó tùy theo thỏa thuận. Bao giờ con tàu hoàn thành bàn giao thì xác định doanh thu.

2.2.1.2. Hình thức thanh toán:

- Chủ yếu bằng chuyển khoản.
- Thanh toán bằng tiền mặt.

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng:

- TK 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Các tài khoản liên quan: TK 111, TK 112, TK 131, TK3331...

2.2.1.4. Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn GTGT.(Mẫu số 01GTKT-3LL)
- Hợp đồng kinh tế.(Hợp đồng kinh tế số 215/HĐKT2012)
- Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu thu, Phiếu kế toán, Giấy báo Có...

2.2.1.5. Sổ sách sử dụng:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK511
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

a. Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại công ty

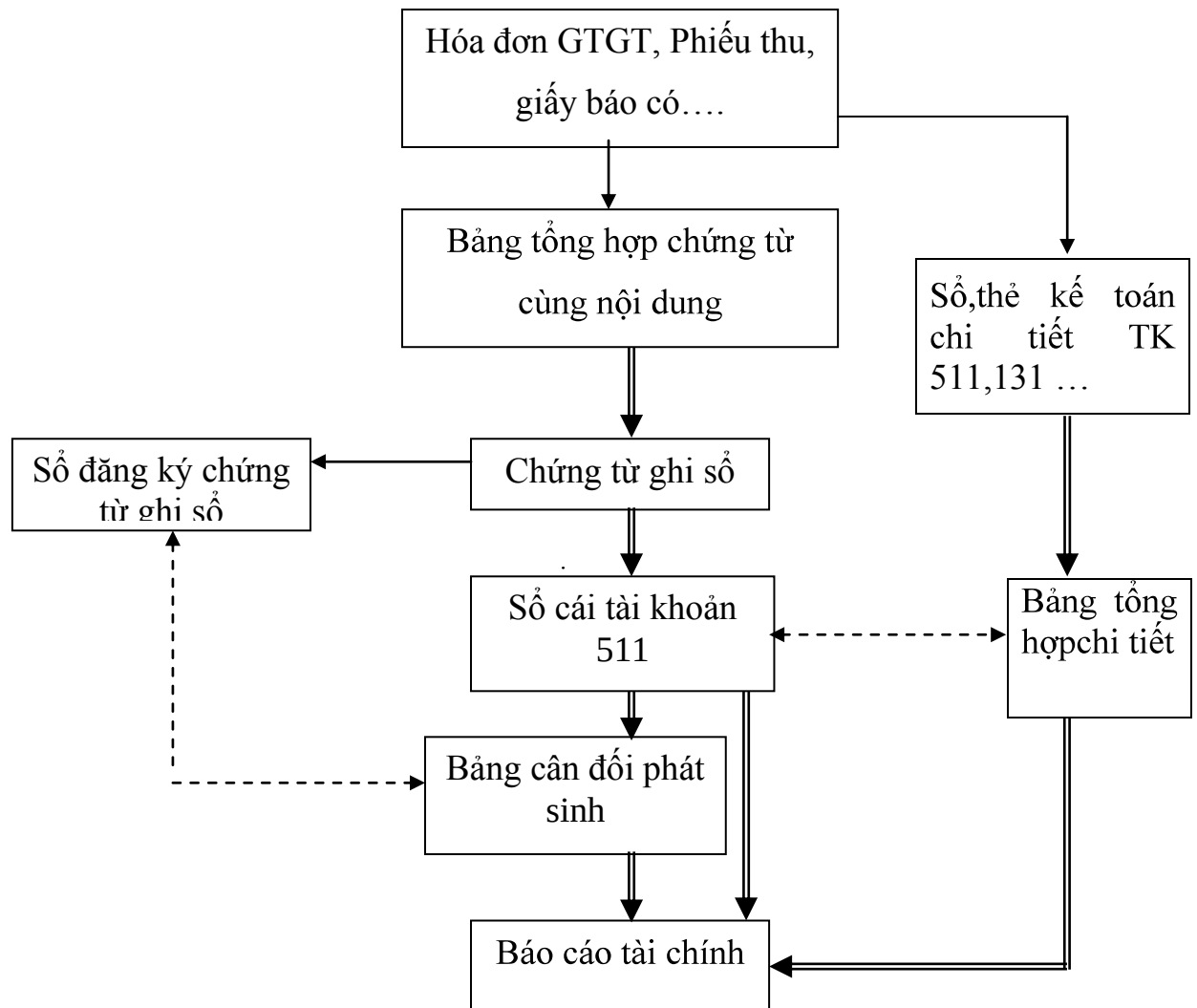
Quy trình hạch toán doanh thu hàng bán tại công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long được khái quát bằng (sơ đồ 2.4)

- Từ các chứng từ kế toán hàng ngày như phiếu nhập, xuất, thu, chi, HĐ GTGT... vào các bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung đồng thời ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết, từ sổ thẻ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết TK 511, 131...

- Căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung lập các chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái các TK511

- Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập BCTC

**Sơ đồ 2.4 : Quy trình hoạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
tại công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu hải Long**



Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối kì
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

b.Ví dụ minh họa:

- Ngày 03/12/2011 công ty Hải Long kí hợp đồng kinh tế với Cảnh sát PCCC Quảng Ninh đóng mới 01 tàu FB 185 trị giá hợp đồng 29.590.000.000 (giá chưa thuế 10%)
- Ngày 05/12/2012 công ty Hải Long bàn giao tàu FB 185 cho Cảnh sát PCCC Quảng Ninh

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế ngày 03/12/2011 (biểu số 2.1) kế toán viết hoá đơn GTGT số 0051076 (biểu số 2.3). Sau đó lập bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung (biểu số 2.4)
- Từ bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung, kế toán phản ánh vào chứng từ ghi sổ (biểu số 2.5)
- Từ chứng từ ghi sổ, kế toán phản ánh vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (biểu số 2.6)
- Cuối kì, kế toán căn cứ vào chứng từ ghi sổ để phản ánh vào sổ cái tài khoản 511 (biểu số 2.7)
- Từ sổ cái, kế toán phản ánh vào bảng cân đối số phát sinh và từ bảng cân đối số phát sinh phản ánh vào báo cáo tài chính

Biểu số 2.1: Hợp đồng kinh tế số 215/HĐKT2012

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 215 /HĐKT2012

V/v Đóng mới 01 tàu FB 185

Căn cứ Bộ luật dân sự và luật Thương mại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 14/06/2005, có hiệu lực từ ngày 10/01/2006;

Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày ...03.. tháng...12... năm...2011.. Tại Công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long chúng tôi các bên ký hợp đồng gồm có:

Bên giao gói thầu (gọi tắt là Bên A): Cảnh sát PCCC Quảng Ninh

- Đại diện : Ông Đỗ Mạnh Cường Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ :
- Điện thoại : Fax:

Bên nhận thầu (gọi tắt là Bên B): Công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long

- Đại diện : Ông Nguyễn Lê Hạnh Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ : Số 108 Phan Đình Phùng - Hồng Bàng - Hải Phòng.
- Điện thoại : 0313841667 Fax: 0313669170
- Tài khoản số : 102010000855455
- Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, CN Hồng Bàng, Hải Phòng.

**HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG THI CÔNG VỚI
NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:**

Điều 1: Nội dung hợp đồng

Theo yêu cầu của Bên A, Bên B nhận đóng mới cho Bên A 01 con tàu do Công Ty TNHH Phát triển Công nghệ tàu thủy thiết kế.

Điều 2: Giá trị Hợp đồng và phương thức thanh toán

2.1 Giá trị Hợp đồng:

- Giá thành đóng mới 01 tàu đầu là: 32.549.000.000 (có thuế VAT 10%)
(Ba mươi hai tỉ năm trăm bốn chín triệu đồng)

Giá trên là tạm tính, giá chính thức theo khối lượng quyết toán nghiệm thu thực tế giữa hai bên.

2.2 Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản theo các lần như sau:

Lần 1: Bên A tạm ứng cho Bên B 50 % giá trị hợp đồng trong vòng 15 ngày khi hợp đồng được ký kết;

Lần 2: Bên A thanh toán cho Bên B số còn lại trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký thanh lý hợp đồng và Bên A nhận được hóa đơn tài chính.

Điều 3: Chất lượng hàng hóa, thời gian và địa điểm giao hàng

3.1 Chất lượng hàng hóa:

- Sản phẩm được giám sát bởi đăng kiểm Việt Nam;

3.2 Thời gian giao hàng: Giao hàng sau 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

- Các vật tư phục vụ thi công đảm bảo mới 100% và có đầy đủ các giấy tờ pháp lý theo quy định.

3.3 Địa điểm giao hàng:

- Tại Công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long, Số 108 Phan Đình Phùng – Hồng Bàng – Hải Phòng.

Điều 4: Trách nhiệm các Bên

4.1 Bên A:

- Có trách nhiệm thanh toán cho Bên B theo điều 2 nêu trong Hợp đồng này;
- Bố trí cán bộ có thẩm quyền phối hợp cùng Bên A, Cơ quan đăng kiểm giám sát và nghiệm thu trong quá trình thi công;
- Bên A có trách nhiệm bàn giao cho Bên B 01 bộ Hồ sơ thiết kế đầy đủ FB 185 và được Đăng kiểm Việt Nam phê duyệt để phục vụ thi công trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

4.2 Bên B:

- Thi công đóng tàu mới theo đúng thiết kế, đảm bảo chất lượng, mỹ thuật công nghiệp và tiến độ đã cam kết
- Chịu sự giám sát của Cơ quan đăng kiểm Việt Nam;
- Chịu trách nhiệm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ cho người và thiết bị trong quá trình thi công.

Điều 5: Bảo hành:

5.1 Bên B có trách nhiệm bảo hành tàu dầu cho Bên A trong thời gian là 12 tháng kể từ ngày bàn giao tàu

5.2 Bên B không chịu trách nhiệm bảo hành do lỗi của người sử dụng, do chủ đầu tư tự ý sửa chữa khi chưa thông qua nhà thầu hoặc do trường hợp bất khả kháng gây ra.

Điều 6: Bất khả kháng:

6.1 Bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như: động đất bão, lụt, lốc, sóng thần lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh,... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc chỉ đạo trong quá trình xây dựng của cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước

6.2 Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 3 ngày ngay sau khi xảy ra hiện tượng bất khả kháng;
- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra;

6.3 Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

Điều 7: Hiệu lực của hợp đồng

- Hợp đồng này có hiệu lực ngay khi hai bên ký kết và Bên B nhận tiền tạm ứng lần 1;
- Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định;
- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng. Nếu có khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện hai bên cùng bàn bạc giải quyết. Bên nào thực hiện không đúng nội dung các điều khoản đã ký trong Hợp đồng, bên đó phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu liên quan đến hợp đồng được các bên liên quan quản lý theo quy định hiện hành của nhà nước về bảo mật;

- Hợp đồng được lập thành 04 bộ, Bên A giữ 02 bộ, Bên B giữ 02 bộ các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu 2.2: Biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế

CÔNG TY HẢI LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

.....
SỐ : 20/BB

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG KINH TẾ TÀU FB 185

- Căn cứ hợp đồng kinh tế số 215/HĐKT ngày 03/12/2011 giữa công ty Hải Long và Cảnh sát PCCC Quảng Ninh về việc đóng mới 01 tàu FB 185
- Căn cứ biên bản nghiệm thu xuất xưởng công trình: tàu FB 185
- Căn cứ vào quyết định hai bên đã ký ngày 03/12/2011

Hôm nay ngày 05 tháng 12 năm 2012 chúng tôi gồm:

I – CẢNH SÁT PCCC QUẢNG NINH (GỌI TẮT LÀ BÊN A)

- Do ông : Phạm Tiến Thành
- Chức vụ: Giám đốc là đại diện

II – CÔNG TY HẢI LONG (GỌI TẮT LÀ BÊN B)

- Do ông : Nguyễn Lê Hạnh
- Chức vụ : giám đốc bên đại diện

Hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng kinh tế số 215/HĐKT bao gồm các phần việc sau

1. Tình hình thực hiện hợp đồng:

- Đảm bảo tiến độ bàn giao như đã ghi trong hợp đồng kinh tế.
- Thực hiện đúng các hạng mục như đã ghi trong biên bản đã thoả thuận

và hợp đồng.

2. Yêu cầu về kỹ thuật chất lượng:

- Đảm bảo yêu cầu về quy trình vi phạm của đăng kiểm Việt Nam, các bước công nghệ được A, B đăng kiểm, ký nghiệm thu từng phần và ký nghiệm thu xuất xưởng.

3. Giá trị hợp đồng:

- Tổng giá trị quyết toán chính thức 2 bên đã ký kết là: 32.549.000.000 (có thuế VAT 10%) (Ba mươi hai tỉ năm trăm bốn chín triệu đồng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bên A đã ứng cho bên B: 16.274.500.000 (Mười sáu tỉ hai trăm bảy bốn triệu năm trăm nghìn đồng)

Thời hạn thanh toán :số còn lại thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ ngày thanh lý hợp đồng

Hai bên chính thức làm thanh lý hợp đồng và bàn giao công trình: FB 185

Đại diện bên A

Đại diện bên B

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu 2.3: Hóa đơn GTGT 0051076

HÓA ĐƠN
GIÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01 GTKT – 3LL

Liên 3: Nội bộ

02AB/12P

0051076

Ngày 05 tháng 12 năm 2012

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long

Mã số thuế : 0200109519

Địa chỉ: 108 Phan Đình Phùng, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Số tài khoản: 00313700820

Điện thoại:

Tên khách hàng: Cảnh sát PCCC Quảng Ninh

MST:0300430094

Địa chỉ:

Hình thức thanh toán: Ck

Số tài khoản:

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 =1x2
	Fb 185	Chiếc	1	29.590.000.000	29.590.000.000
Thuế suất GTGT:10%				Cộng tiền hàng :	29.590.000.000
				Tiền thuế GTGT:	2.959.000.000
				Tổng tiền thanh toán:	32.549.000.000
Số tiền viết bằng chữ: ba mươi hai tỉ năm trăm bốn chín triệu đồng					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu 2.4: Trích bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long

Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG NỘI DUNG

Nội dung: Phải thu khách hàng

Tháng 12 năm 2012

TH 09/12

Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 131 Ghi Có các TK			Cộng
Số hiệu	Ngày tháng		511	3331	711	
...	...	...	...	...	...	...
HĐ0051076	05/12	Doanh thu bán tàu FB185	29.590.000.000	2.959.000.000		32.549.000.000
HĐ0051077	09/12	Doanh thu đóng vỏ xuồng	4.585.560.000	458.556.000		5.044.116.000
HĐ0051079	15/12	Doanh thu nhượng bán thép tấm A40S		26.447.917	264.479.170	290.927.087
...	...	...	...	...	...	...
		Cộng	35.025.366.500	3.402.564.620	412.479.170	38.840.410.290

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.5: Trích chứng từ ghi sổ

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02a-DN
Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 1081

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi Chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
TH09/12		Phải thu khách hàng T12/2012	131	511	35.025.366.500	
			131	3331	3.402.564.620	
			131	711	412.479.170	
		Cộng	X	X	38.840.410.290	

Kèm theochứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu 2.6: Trích sổ đăng ký CTGS

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02b-DN
Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ
Năm 2012

CHỨNG TỪ GHI SỔ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....		
1078	31/12	3.378.084.563
1079	31/12	31.452.619.710
1080	31/12	19.262.764.414
1081	31/12	38.840.410.290
1082	31/12	78.927.887.009
1083	31/12	160.937.577
1084	31/12	33.950.000
...	...	
1098	31/12	48.055.532.580
.....		
1115	31/12	225.909.596.000
1116	31/12	225.909.596.000
Cộng		2.238.647.112.763

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.7:Trích sổ cái TK511

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02c1-DN
Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu :511

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2012

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Phát sinh trong kỳ			
						
31/11	1060	31/11	Phải thu khách hàng tháng 11	131		10.265.989.540
31/12	1081	31/12	Phải thu khách hàng tháng12	131		35.025.366.500
31/12	1115	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	219.469.386.658	
			Cộng phát sinh		219.469.386.658	219.469.386.658
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký , họ tên,đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long

Hiện tại ở công ty không có các khoản giảm trừ doanh thu, do:

- Công ty không có chính sách chiết khấu thương mại, giảm giá cho khách hàng
- Sản phẩm của công ty là sản phẩm sản xuất đơn chiếc theo đặt hàng và hợp đồng kinh tế, các sản phẩm thường có giá trị lớn.
- Trước khi thực hiện thanh lý hợp đồng sản phẩm đóng tàu còn thông qua khâu kiểm định chất lượng, chạy thử... và bảo hành

2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long

➤ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 632: Giá vốn hàng bán

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu xuất kho: được lập thành 3 liên
 - . Liên 1: lưu ở bộ phận lập biểu
 - . Liên 2: giao cho khách hàng
 - . Liên 3: thủ kho giữ để ghi theo kho và sau đó chuyển cho kế toán để ghi sổ.
- Biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế.
- Các chứng từ thanh toán như: phiếu thu, uỷ nhiệm thu...

➤ **Sổ sách sử dụng:**

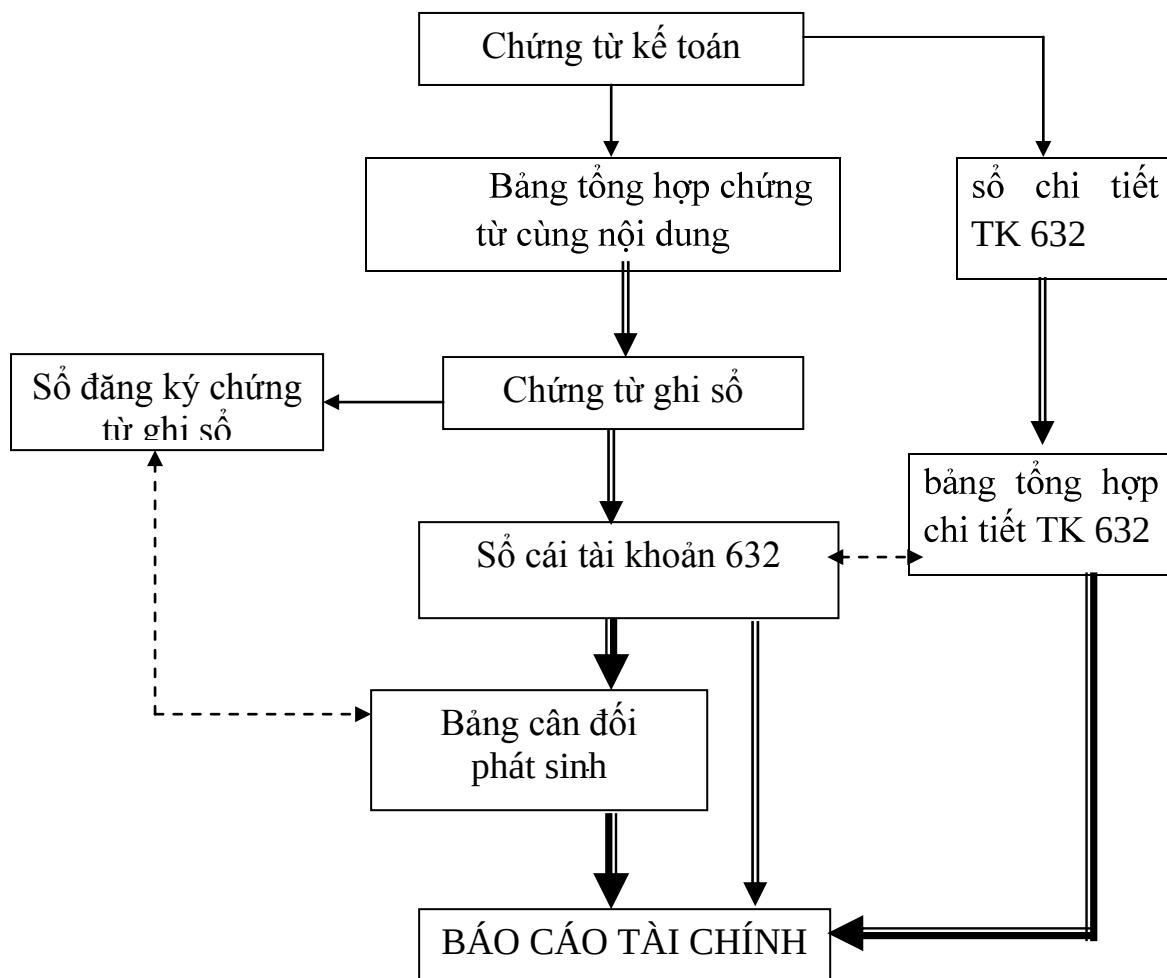
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 632

➤ **Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty**

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán được khái quát qua (sơ đồ 2.5)

- Từ các chứng từ ghi sổ hàng ngày như phiếu nhập, xuất, thu, chi, HĐ GTGT... vào bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung đồng thời ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết
- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung lập các chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ kế toán ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 632. Từ sổ thẻ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết TK 632.

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán Giá vốn hàng bán tại công ty TNHH MTV Đông và Sửa chữa tàu Hải Long



Ghi chú :

————→ Ghi hàng ngày

=====→ Ghi cuối kì

←-----→ Đối chiếu, kiểm tra

- Cuối quý, năm căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập BCTC

➤ **Ví dụ minh họa**

Ngày 5/12/2012 Công ty Hải Long bàn giao tàu FB 185 cho Cảnh sát PCCC Quảng Ninh trị giá hợp đồng 29.590.000.000 VNĐ (chưa có thuế GTGT 10%), trích hoá đơn GTGT số 0051076. Kế toán tính giá thành để xác định giá vốn hàng bán của tàu FB185, số tiền 27.725.631.550

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Căn cứ vào thẻ tính giá thành tàu FB185 (Biểu 2.8) kế toán vào Chứng từ ghi sổ (biểu 2.9)
- Cuối tháng căn cứ vào chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (biểu 2.10) và sổ cái TK 632 (biểu 2.11).
- Cuối kì kế toán căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính cuối năm.

Biểu số 2.8: Thẻ tính giá thành sản phẩm, dịch vụ

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S37-DN
Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC)

THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM DỊCH VỤ

Năm 2012

Tên sản phẩm, dịch vụ : Tàu FB185

Số : TH19

Chỉ tiêu	Tổng tiền	Chi theo khoản mục		
		CPNVLT	CPNCTT	CPSXC
Chi phí SXKD dở dang đầu kì	1.293.917.710	994.719.940	241.730.455	57.467.315
Chi phí SXKD phát sinh trong kì	26.431.713.840	21.142.639.970	2.822.371.392	2.466.702.478
Chi phí SXKD dở dang cuối kì	0	0	0	0
Giá thành sản phẩm	27.725.631.550	22.137.359.911	3.064.101.847	2.524.169.790

Ngày 05 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.9: Trích chứng từ ghi sổ

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02a-DN
Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:1082

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chứng Từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi Chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
TH19	05/12	Giá vốn tàu FB185	632	154	27.725.631.550	
TH20	07/12	Giá vốn tàu CSB5001	632	154	367.976.558	
TH21	18/12	Giá vốn vỏ xuồng	632	154	3.439.594.532	
						
		Cộng	X	X	31.927.887.009	X

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu 2.10: Trích sổ đăng ký CTGS

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02b-DN
Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2012

CHỨNG TỪ GHI SỔ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....		
1078	31/12	3.378.084.563
1079	31/12	31.452.619.710
1080	31/12	19.262.764.414
1081	31/12	50.427.931.120
1082	31/12	31.927.887.009
1083	31/12	160.937.577
1084	31/12	33.950.000
...	...	
1098	31/12	48.055.532.580
.....		
1115	31/12	225.909.596.000
1116	31/12	225.909.596.000
Cộng		2.238.647.112.763

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ky, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.11: Trích sổ cái 632

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02c1-DN
Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CÁI
Số hiệu :632
Tên TK: Giá vốn hàng bán
Năm 2012

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Phát sinh trong kỳ			
						
31/10	991	31/10	Giá vốn hàng bán tháng 10	154	26.618.987.714	
31/11	1029	31/11	Giá vốn hàng bán tháng 11	154	33.411.091.630	
31/12	1082	31/12	Giá vốn hàng bán tháng 12	154	31.927.887.009	
31/12	1116	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		202.755.782.327
			Cộng phát sinh		202.755.782.327	202.755.782.327
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long

2.2.4.1 Kế toán chi phí bán hàng tại công ty

➤ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 6415: chi phí bảo hành

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn GTGT, phiếu chi...

- Bảng tính phân bổ tiền lương

- Bảng tính phân bổ khấu hao

➤ **Sổ sách sử dụng:**

- Chứng từ ghi sổ

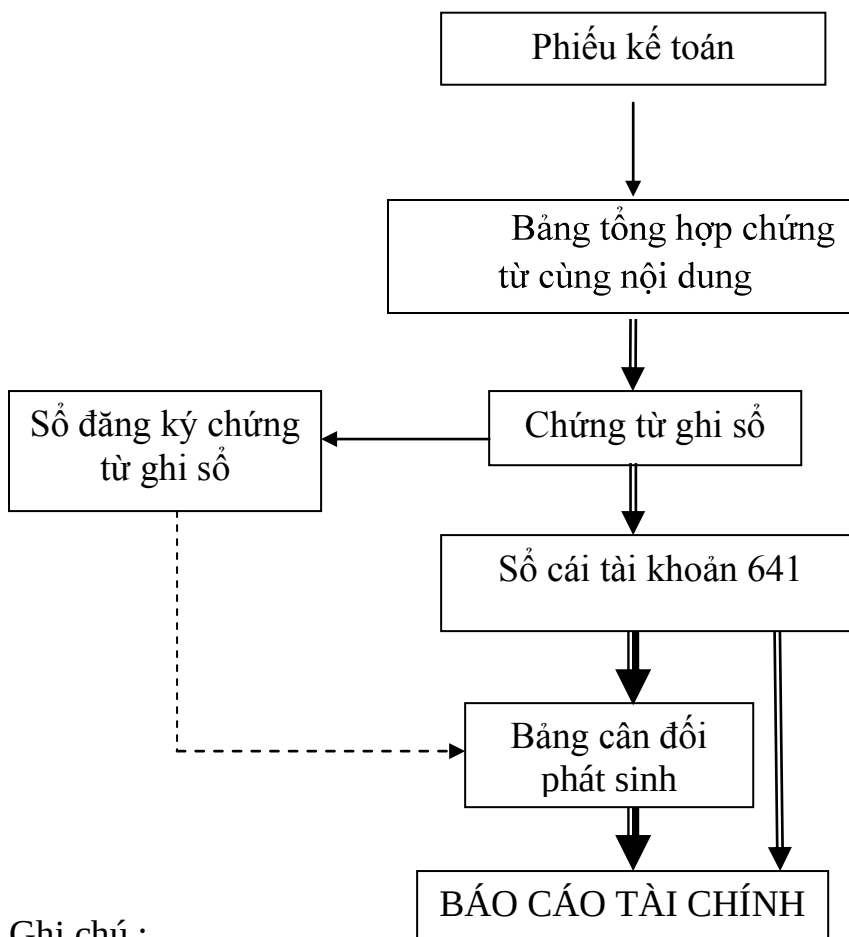
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

- Sổ cái TK 641

➤ **Quy trình hạch toán chi phí bán hàng tại công ty**

Quy trình hạch toán chi phí bán hàng tại công ty được khái quát bằng sơ đồ 2.6

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí bán hàng



Ghi chú :

————→ Ghi hàng ngày

====> Ghi cuối kì

-----> Đối chiếu, kiểm tra

- Từ các chứng từ ghi sổ hàng ngày như phiếu nhập, xuất, chi, HĐ GTGT... vào chứng từ ghi sổ
- Cuối tháng căn cứ vào chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 641
- Cuối quý từ sổ cái các TK 641 làm căn cứ để lập bảng cân đối phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính cuối năm

➤ **Ví dụ minh họa:**

Ngày 04/12/2010 trích bảo hành tàu HQ306 số tiền là 7.645.574.đồng

- Căn cứ vào phiếu kế toán (biểu số 2.12) lập các chứng từ ghi sổ (biểu 2.13), từ đó vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (2.14) và sổ cái TK 641 (biểu 2.15)
- Cuối quý từ sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh và lập báo cáo tài chính.

Biểu 2.12.: Phiếu kế toán

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 80

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nội Dung	TK nợ	TK có	Số tiền
Trích bảo hành tàu HQ 306	641	335	7.645.574
Cộng			7.645.574

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.13: Trích chứng từ ghi sổ

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02a - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ- BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:1083

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi Chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
PKT80	04/12	Trích bảo hành tàu HQ306	641	335	7.645.574	
PKT81	05/12	Trích bảo hành tàu HQ628	641	335	147.592.621	
PKT82	07/12	Trích bảo hành tàu CSB5001	641	335	9.215.638	
						
	Cộng				230.937.577	

Kèm theo chứng từ gốc

Người lập
(Kí, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu 2.14: Trích sổ đăng kí CTGS

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02b-DN
Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ
Năm 2012

CHỨNG TỪ GHI SỔ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....		
1078	31/12	3.378.084.563
1079	31/12	31.452.619.710
1080	31/12	19.262.764.414
1081	31/12	50.427.931.120
1082	31/12	78.927.887.009
1083	31/12	230.937.577
1084	31/12	33.950.000
...	...	
1098	31/12	48.055.532.580
.....		
1115	31/12	225.909.596.000
1116	31/12	225.909.596.000
Cộng		2.238.647.112.763

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.15: Trích sổ cái TK 641

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02c1-DN
Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CÁI
Số hiệu :641
Tên TK: Chi phí bán hàng
Năm 2012

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Phát sinh trong kỳ			
						
31/11	1069	31/11	Trích bảo hành sản phẩm tháng 11/2012	335	125.446.947	
31/12	1083	31/12	Trích chi phí bảo hành sản phẩm tháng 12/2012	335	230.937.577	
31/12	1116	31/12	Kết chuyển chi phí	911		1.907.250.934
			Cộng phát sinh		1.907.250.934	1.907.250.934
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

2.2.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty

➤ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Bảng phân bổ lương, bảng tính khấu hao TSCĐ...

➤ **Sổ sách sử dụng:**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 642.

➤ **Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty**

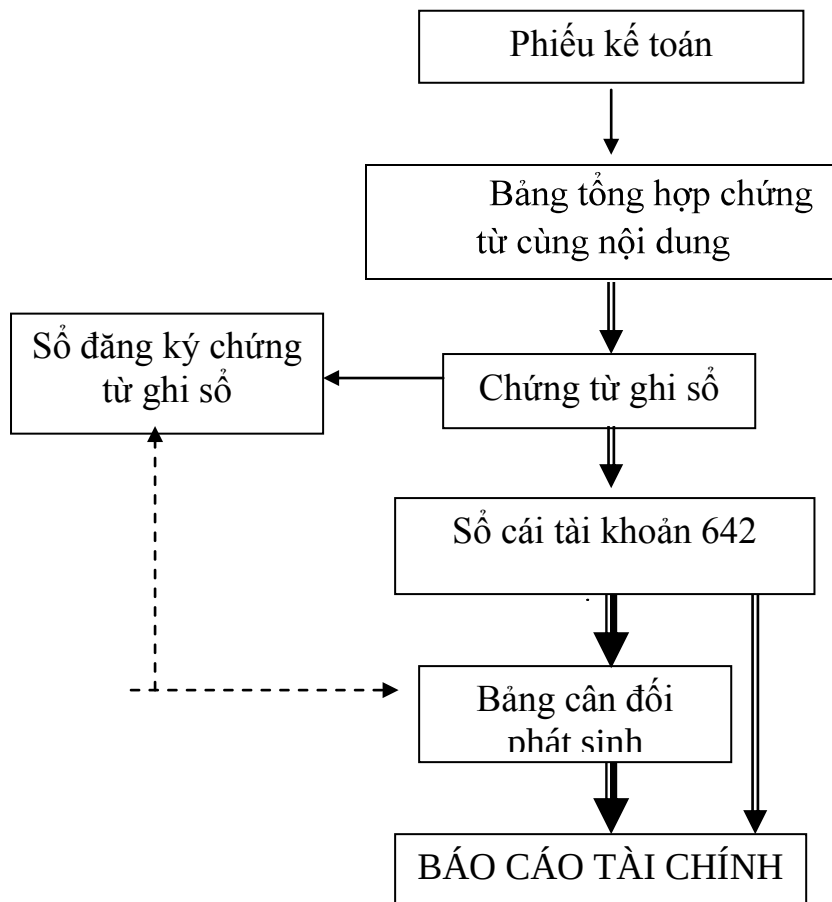
Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty được khái quát bằng (sơ đồ 2.7)

- Từ các chứng từ kế toán hàng ngày như phiếu nhập, xuất, chi, HĐ GTGT... vào bảng tổng hợp các chứng từ cùng nội dung
- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp các chứng từ cùng nội dung lập các chứng từ ghi sổ. từ chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 642
- Cuối quý từ sổ cái các TK 642 làm căn cứ để lập bảng cân đối phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính cuối năm

➤ **Ví dụ minh họa**

Ngày 13/12 thanh toán tiền sửa chữa, thay linh kiện thiết bị máy photocopy số tiền 4.994.000

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long



Ghi chú :

————→ Ghi hàng ngày

====> Ghi cuối kì

←-----> Đối chiếu, kiểm tra

- Căn cứ vào phiếu chi 1141 (biểu 2.17), kế toán vào bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung (biểu 2.18)
- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung lập các chứng từ ghi sổ (biểu 2.19), từ đó vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (biểu 2.20) và sổ cái TK 642 (biểu 2.21)
- Cuối quý từ sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh và lập báo cáo tài chính .

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.16: Hóa đơn giá trị gia tăng
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao người mua
Ngày 13 tháng 12 năm 2012

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: AA/11P
Số: **0003281**

Đơn vị bán hàng: Siêu thị điện máy CPN

Mã số thuế: **0200995151**

Địa chỉ: Số 7 Lê hồng Phong, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại:

Số tài khoản

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH MTV ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG

Mã số thuế: **0200109519**

Địa chỉ : Số 108 Phan Đình Phùng – Hồng Bàng – Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Tiền mặt..... Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1)	Sửa chữa và thay linh kiện máy photocopy				4.540.000
Cộng tiền hàng:					4.540.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			454.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					4.994.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng</i>					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu 2.17: Phiếu chi

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số 02-TT
Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI TIỀN
Ngày 13 tháng 12 năm 2012

Quyển số:14
Số:PCM 1141
Nợ 641
Nợ 133
Có 111

Họ và tên người nhận:	<i>Phạm Quang Hải</i>
Địa chỉ:	<i>số 7 Lê Hồng Phong, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng</i>
Lý do chi:	<i>Thanh toán tiền sửa chữa và thay linh kiện thiết bị máy photocopy</i>
Số tiền:	<i>4.994.000</i>
Bằng chữ:	<i>Bốn triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng</i>
kèm theo:	<i>01 tập chứng từ gốc</i>

Ngày 13 tháng 12 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Theo tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):.....

Số tiền quy đổi:.....

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.18: Trích bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG NỘI DUNG

Từ ngày 01/12 đến ngày 31/12

Nội dung: Chi tiền mặt

TH05/12

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 111, nợ các tài khoản							Cộng có TK 111
SH	NT		112	152	133	141	334	642	...	
			...	...	...	...				
PC1132	05/12	Chi tiền mua thép tròn tron của công ty thép Ngọc Việt		17.616.364	1.761.636					19.378.000
PC1133	05/12	Xuất quỹ tạm ứng cho NV đi công tác				4.500.000				4.500.000
PC1134	05/12	Xuất quỹ gửi ngân hàng	80.000.000							80.000.000
		...								
PC1140	09/12	Chi tiền mua thép góc L25x25		19.378.000						19.378.000
PC1141	13/12	Thanh toán tiền s/c và thay thế linh kiện máy photocopy			454.000			4.540.000		4.994.000
		...								
PC1158	31/12	Trả lương NV khối quản lý					265.560.121			265.560.121
		Cộng	141.527.589	396.455.362	37.221.314	24.250.000	753.445.935	35.496.740		3.378.084.563

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Giám đốc

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.19: Trích chứng từ ghi sổ

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02a-DN
Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:1078

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi Chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
TH05/12	31/12	Chi tiền mặt T12/2012	112	111	141.527.589	
			152	111	396.455.362	
			133	111	37.221.314	
			141	111	24.250.000	
			334	111	753.445.935	
			642	111	35.496.740	
		...	...	...	...	
		Cộng			3.378.084.563	

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu 2.20: Trích sổ đăng kí CTGS

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02b-DN
Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ
Năm 2012

CHỨNG TỪ GHI SỔ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....		
1078	31/12	3.378.084.563
1079	31/12	31.452.619.710
1080	31/12	19.262.764.414
1081	31/12	50.427.931.120
1082	31/12	78.927.887.009
1083	31/12	160.937.577
1084	31/12	33.950.000
...	...	
1098	31/12	48.055.532.580
.....		
1115	31/12	225.909.596.000
1116	31/12	225.909.596.000
Cộng		2.238.647.112.763

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.21: Trích sổ cái TK 642

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02c1-DN
Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Số hiệu :642

Tên TK:Chi phí quản lý doanh nghiệp

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Phát sinh trong kỳ			
						
31/11	1066	31/11	Chi tiền mặt T11/2011	111	42.621.552	
31/12	1078	31/12	Chi tiền mặt T12/2012	111	35.496.740	
31/12	1116	31/12	Kết chuyển chi phí	911		13.019.808.874
			Cộng phát sinh		13.019.808.874	13.019.808.874
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

2.2.5. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long

2.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty

Doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long gồm các khoản sau:

- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ trên cơ sở chứng từ thực tế.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ...
- Các khoản doanh thu từ hoạt động tài chính khác

➤ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính từ lãi tiền gửi.

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo có ngân hàng
- Các chứng từ liên quan

➤ **Sổ sách sử dụng:**

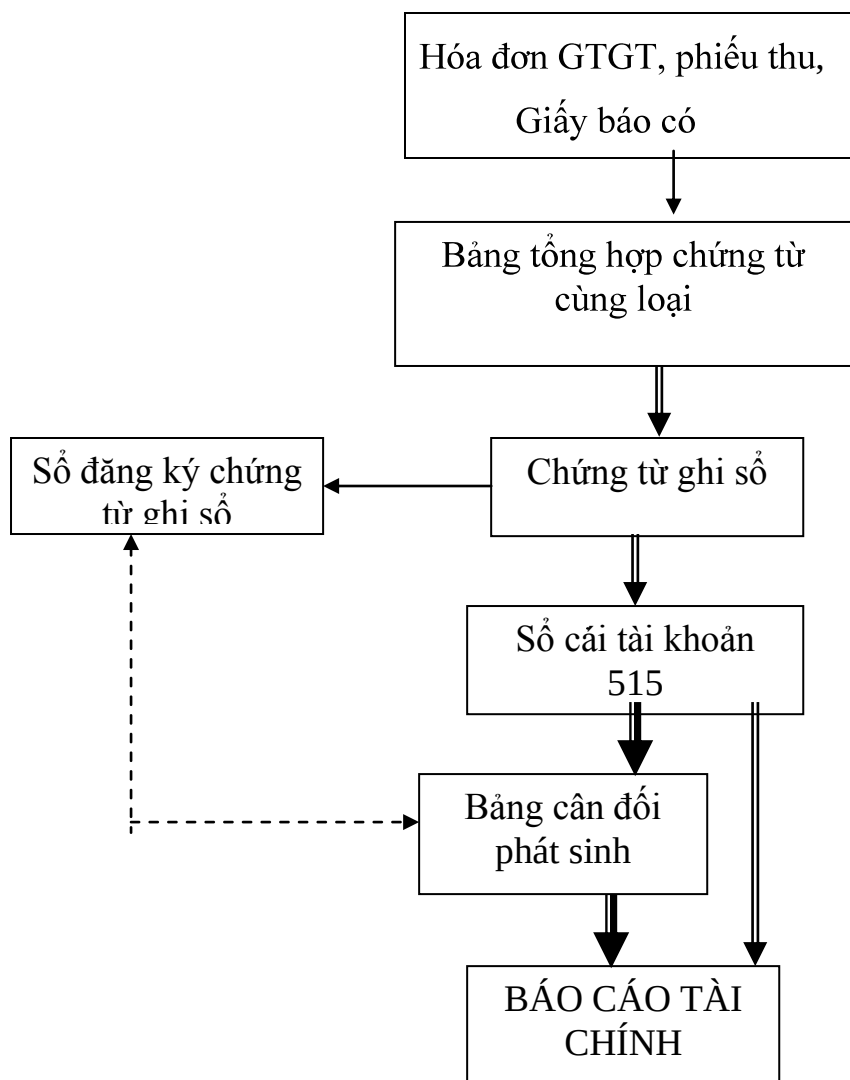
- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ cái TK 515

➤ **Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty**

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty được khái quát bằng sơ đồ 2.8

- Hàng ngày căn cứ vào chứng từ như giấy báo có, phiếu thu vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại.
- Cuối tháng kế toán căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung lập các chứng từ ghi sổ phát sinh. Từ chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 515
- Cuối kì từ sổ cái các TK 515 làm căn cứ để lập bảng cân đối số phát sinh. từ bảng cân đối số phát sinh lập ra báo cáo tài chính

Sơ đồ 2.8 – Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long



Ghi chú :

————→ Ghi hàng ngày

====> Ghi cuối kì

←-----> Đối chiếu, kiểm tra.

➤ Ví dụ minh họa: Ngày 31/12/2012 công ty thu lãi tiền gửi lãi tháng 12/2012 của ngân hàng techcombank, với số tiền là 4.315.174 đồng

- Căn cứ vào phiếu báo có ngày 31/12/2012 của ngân hàng techcombank (biểu 2.22), kế toán lập bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung (biểu 2.23)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung kế toán lập các chứng từ ghi sổ (biểu 2.24) từ đó làm căn cứ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (biểu 2.25) và sổ cái TK 515 (biểu 2.26)
- Cuối kì căn cứ vào sổ cái TK 515 lập bảng cân đối số phát sinh và lập báo cáo tài chính

Biểu 2.22: Phiếu báo có

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

Theo công văn số
21208/CT/AC

TECHCOMBANK KIẾN AN
MST: 0100202095011

TECHCOMBANK

PHIẾU BÁO CÓ

Số: 53

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kính gửi: CÔNG TY TNHH MTV ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG

Số tài khoản: 102010000215811

Địa chỉ : số 108 Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, Hải Phòng

Loại tiền: VND

MST : 02001489731

Loại tài khoản: TIỀN GUI THANH

TOAN

Số ID khách hàng : 20788765

Số bút hạch toán: FT0832660039/HPG

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Lãi tiền gửi tại ngân hàng techcombank	4.315.174,00
Tổng số tiền	4.315.174,00

Tiền bằng chữ: bốn triệu ba trăm mười năm nghìn một trăm bảy mươi tư đồng

Trích yếu : Lãi tiền gửi tại ngân hàng techcombank

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

PHÒNG GIAO DỊCH
TECHCOMBANK KIẾN AN

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.23: Trích bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG NỘI DUNG

Từ ngày 01/12 đến ngày 31/12

Nội dung: thu tiền gửi ngân hàng

TH07/12

Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 112, ghi có các tài khoản			Cộng có TK 112
SH	NT		131	515	4312	
			...	...		
PTM105	04/12	Cấp bổ sung quỹ phúc lợi năm 2011			830.000.000	
PTM112	25/12	Thu tiền đóng mới xuống	8.000.000.000			
PBC53	31/12	Lãi gửi ngân hàng		4.315.174		
PT116	31/12	Thu tiền đóng tàu tuần tra CN 09 HQ	166.770.000			
						
		Cộng	30.336.941.380	285.678.328	830.000.000	31.452.619.710

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu 2.24: Trích chứng từ ghi sổ

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02a-DN
Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:1079

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi Chú
	Nợ	Có		
Thu tiền gửi ngân hàng T12/2012	112	131	30.336.941.380	
	112	515	285.678.328	
	112	4312	830.000.000	
Cộng			31.452.619.710	X

Kèm theo chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu 2.25: Trích sổ đăng kí CTGS

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02b-DN
Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ
Năm 2012

CHỨNG TỪ GHI SỔ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....		
1078	31/12	3.378.084.563
1079	31/12	31.452.619.710
1080	31/12	19.262.764.414
1081	31/12	50.427.931.120
1082	31/12	78.927.887.009
1083	31/12	160.937.577
1084	31/12	33.950.000
...	...	
1098	31/12	48.055.532.580
.....		
1115	31/12	225.909.596.000
1116	31/12	225.909.596.000
Cộng		2.238.647.112.763

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu 2.26: Trích sổ cái TK 515

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02c1-DN
Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CÁI
Số hiệu : 515

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính
Năm 2012

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Phát sinh trong kỳ			
			...			...
31/11	1076	31/11	Thu tiền gửi ngân hàng T11	112		246.428.139
31/12	1079	31/12	Thu tiền gửi ngân hàng T12	112		285.678.328
31/12	1115	31/12	K/c doanh thu hoạt động tài chính		2.415.954.494	
			Cộng phát sinh		2.415.954.494	2.415.954.494
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

2.2.5.2..Kế toán chi phí hoạt động tài chính tại công ty

Chi phí hoạt động tài chính là khoản gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ do chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...

➤ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 6351: trả lãi vay, phía chuyển tiền
- TK 6352: lỗ chênh lệch tỷ giá

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo nợ
- Phiếu chi
- Các chứng từ có liên quan khác

➤ **Sổ sách sử dụng:**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 635

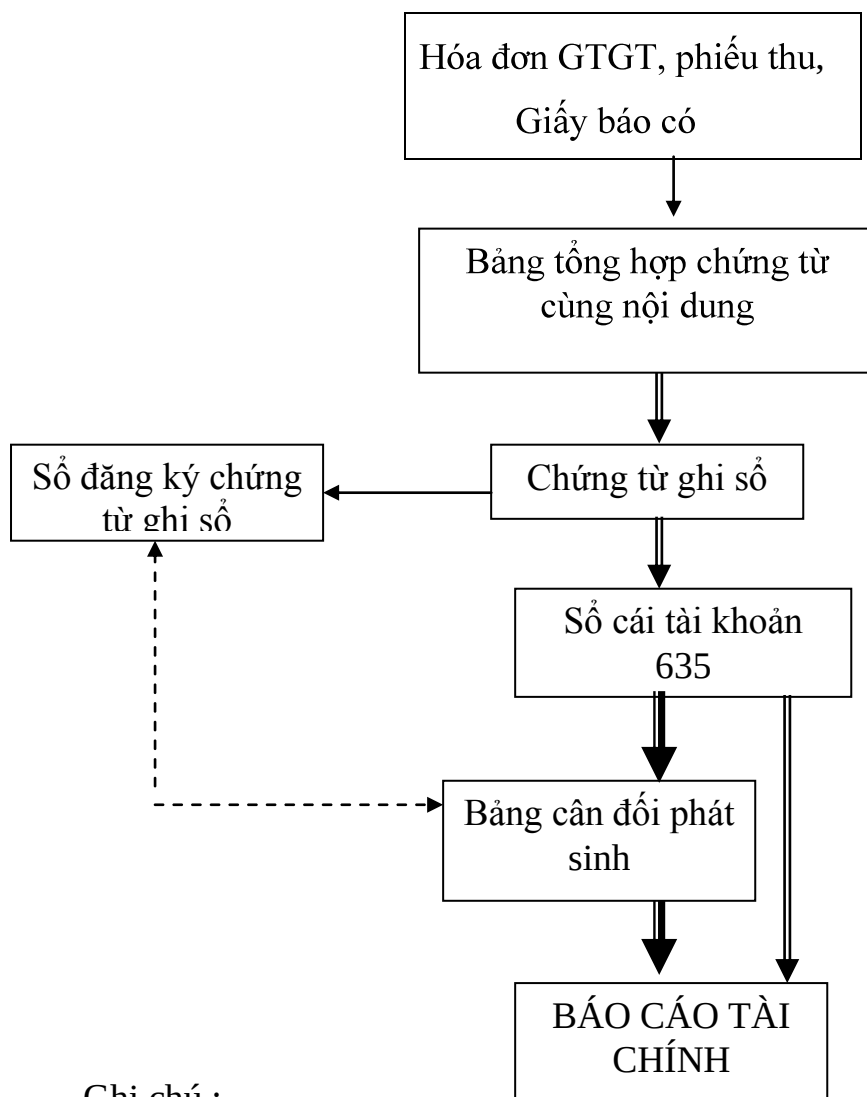
➤ **Quy trình hạch toán chi phí hoạt động tài chính tại công ty**

Quy trình hạch toán chi phí hoạt động tài chính tại công ty được khái quát qua (sơ đồ 2.8)

- Hàng ngày căn cứ vào chứng từ như giấy báo nợ, phiếu chi vào bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung.
- Cuối tháng kế toán căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại lập các chứng từ ghi sổ phát sinh. Từ chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 635
- Cuối kì từ sổ cái các TK 635 làm căn cứ để lập bảng cân đối số phát sinh. từ bảng cân đối số phát sinh lập ra báo cáo tài chính.

➤ **Ví dụ minh họa:** Ngày 05/12/2012 thanh toán lệ phí chuyển tiền tại ngân hàng số tiền là 1.572.975

Sơ đồ 2.8 – Quy trình hạch toán chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long



Ghi chú :

————→ Ghi hàng ngày

====> Ghi cuối tháng

←-----> Đối chiếu, kiểm tra

- Căn cứ vào giấy báo nợ ngày 05/12/2012 của ngân hàng techcombank (biểu 2.27), kế toán lập bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung (biểu 2.28)
- Cuối tháng căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại kế toán lập các chứng từ ghi sổ (biểu 2.29)từ đó làm căn cứ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (biểu 2.30) và sổ cái TK 635 (biểu 2.31)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Cuối quý căn cứ vào sổ cái TK 635 lập bảng cân đối số phát sinh và lập báo cáo tài chính

Biểu số 2.27: Phiếu báo nợ

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THUẬT VIỆT NAM

Theo công văn số

21208/CT/AC

TECHCOMBANK KIẾN AN

TECHCOMBANK

MST: 0100202095011

PHIẾU BÁO NỢ

Số: 15

Ngày 05 tháng 12 năm 2012

Kính gửi: CÔNG TY TNHH MTV ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG

Số tài khoản: 102010000215811

Địa chỉ : số 108 Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, Hải Phòng Loại tiền: VND

MST : 02001489731

Loại tài khoản: Lệ phí

Số ID khách hàng : 20788765

Số bút hạch toán: FT0832660039/HPG

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Thanh toán lệ phí chuyển tiền ngân hàng techcombank	1.572.975
Tổng số tiền	1.572.975

Tiền bằng chữ: Một triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm bảy năm nghìn đồng

Trích yếu : thanh toán lệ phí chuyển tiền ngân hàng techcombank

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

PHÒNG GIAO DỊCH
TECHCOMBANK KIẾN AN

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.28: Trích bảng tổng hợp cùng nội dung

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long

Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG NỘI DUNG

Nội dung: Chi tiền gửi ngân hàng

Tháng 12 năm 2012

TH07/12

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK112, ghi nợ các TK					Công
Số hiệu	Ngày tháng		111	331	635	627	...	
								
GBN15	05/12	Thanh toán lệ phí chuyển tiền tại ngân hàng techcombank			1.572.975			1.572.975
PT112	06/12	Lĩnh tiền mặt tại ngân hàng về quỹ	1.500.000.000					1.500.000.000
UNC	06/12	Trả tiền mua thép góc, ống mạ kẽm nhập kho		113.084.838				113.084.838
UNC	07/12	Thanh toán lệ phí đo nồng an toàn kết cấu tàu HQ9482,991,209				1.950.000		1.950.000
				...				
		Cộng	4.500.000.000	12.686.750.000	5.941.299	32.435.566		19.262.764.414

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.29: Trích chứng từ ghi sổ

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02a-DN
Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:1080

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi Chú
Số	ngày		Nợ	Có		
TH07/12	31/12	Chi tiền gửi ngân hàng T12/2012	111	112	4.500.000.000	
			331	112	12.868.750.000	
			635	112	5.941.299	
			627	112	32.435.566	
						
		Cộng			19.262.764.414	

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu 2.30: Trích sổ đăng ký CTGS

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02b-DN
Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ
Năm 2012

CHỨNG TỪ GHI SỔ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....		
1078	31/12	3.378.084.563
1079	31/12	31.452.619.710
1080	31/12	19.262.764.414
1081	31/12	50.427.931.120
1082	31/12	78.927.887.009
1083	31/12	160.937.577
1084	31/12	33.950.000
...	...	
1098	31/12	48.055.532.580
.....		
1115	31/12	225.909.596.000
1116	31/12	225.909.596.000
Cộng		2.238.647.112.763

Người ghi sổ (Kí, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 Giám đốc (Ký , họ tên,đóng dấu)
-------------------------------------	---------------------------------------	---

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.31: Trích sổ cái TK635

Mẫu số S02c1-DN

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Số hiệu :635

Tên TK: chi phí hoạt động tài chính

Năm 2012

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Phát sinh trong kỳ			
					...	
31/12	1068	31/11	Chi tiền gửi ngân hàng T11/2012	112	7.336.457	
31/12	1080	31/12	Chi tiền gửi ngân hàng T12/2012	112	5.941.299	
31/12	1116	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911		519.539.170
			Cộng phát sinh		519.539.170	519.539.170
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

2.2.6. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác tại công ty TNHH MTV Đổng và Sửa chữa tàu Hải Long

➤ **Nội dung của thu nhập khác và chi phí khác**

+ Thu nhập khác là tài khoản kế toán dùng để phản ánh khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Nội dung của thu nhập khác của công ty Hải Long gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Tiền thu được do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Thu từ bảo hành không sử dụng hết

+ Chi phí khác phản ánh chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Chi phí khác là những khoản chi phí (lỗ) do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra.

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

➤ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 711: thu nhập khác
- TK 811: chi phí khác

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ

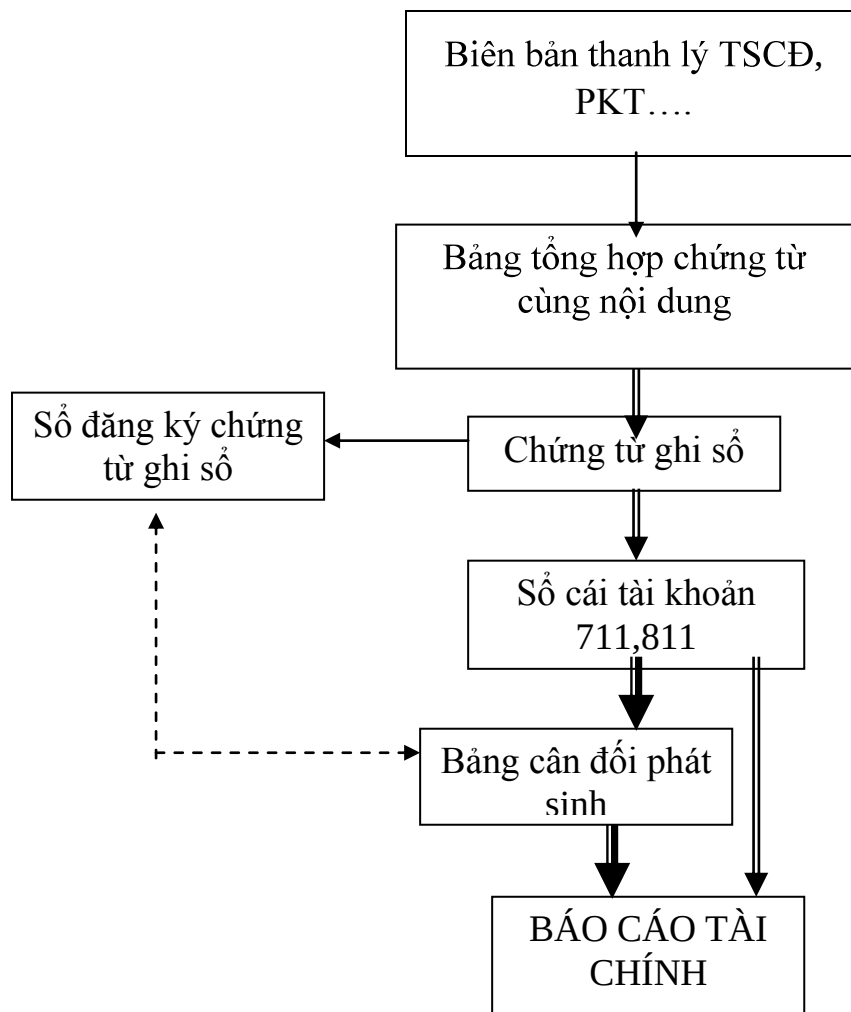
➤ **Sổ sách sử dụng**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 711, 811

➤ **Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại công ty**

Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại công ty được khái quát bằng (sơ đồ 2.8)

Sơ đồ 2.8 – Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long



Ghi chú :

————→ Ghi hàng ngày

====→ Ghi cuối tháng

←-----→ Đối chiếu, kiểm tra

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như phiếu kế toán, biên bản thanh lý tài sản kế toán vào bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung
- Cuối tháng kế toán căn cứ vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại vào chứng từ ghi sổ các nghiệp vụ phát sinh. Từ chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 711, 811
- Từ sổ cái TK 711, 811 làm căn cứ để lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh lập ra Báo cáo tài chính.

➤ **Ví dụ minh họa**

Ngày 25/12/2012 công ty thanh lý một máy hàn que, nguyên giá 33.950.000 đồng, đã khấu hao 23.650.735 đồng. Số tiền thu 4.500.000 đồng (chưa bao gồm thuế VAT 10%)

- Căn cứ vào biên bản thanh lý TSCĐ (biểu 2.32) và phiếu kế toán (biểu số 2.33) kế toán chứng từ ghi sổ (biểu số 2.34)
- Từ chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (biểu số 2.35) và sổ cái TK 811 (biểu số 2.35)
- Số tiền thu được từ thanh lý kế toán lập phiếu thu (biểu 2.36), từ đó làm căn cứ ghi bảng tổng hợp chứng từ cùng loại (biểu 2.37), Từ bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại lập các chứng từ ghi sổ (biểu 2.39)có liên quan, từ chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (biểu 2.40) và lập sổ cái TK 711(biểu 2.41)
- Cuối quý căn cứ vào sổ cái TK 711, 811 lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Biểu 2.32: Biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN THANH LÝ NHƯỢNG BÁN TSCĐ

Ngày 25 tháng 12 năm 2012

Căn cứ vào quyết định số 88 ngày 25 tháng 12 năm 2012 của giám đốc công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long về việc thanh lý TSCĐ

I/Ban thanh lý TSCĐ gồm:

Bên thanh lý (bên A)

Ông : Trần Quốc Toàn Chức vụ: trưởng phòng kinh doanh – Trưởng ban

Bà : Nguyễn Bích Loan Chức vụ : kế toán _ Ủy viên

II/ Tiến hành thanh lý như sau

Tên, quy cách TSCĐ : Máy hàn que

Nước sản xuất : Nhật Bản

Nước sản xuất :

Năm đưa vào sử dụng

Thời gian sử dụng : 7 năm

Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm này là : 23.650.735

Giá trị còn lại là : 10.299.265

III/ Kết luận của ban thanh lý TSCĐ : Máy hàn vẫn hoạt động bình thường

Ngày 25 tháng 12 năm 2012

Trưởng ban

(ký, họ tên)

IV/ Kết quả thanh lý TSCĐ

- Giá trị thu hồi bằng tiền mặt : 4.950.000 đồng

- Đã ghi giảm sổ TSCĐ 054 ngày 25/12/2012 đình chỉ sử dụng

Ngày ... tháng..... năm

Đại diện (bên A)

(ký, họ tên)

Đại diện (bên B)

(ký , họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu 2.33.: Phiếu kế toán

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 84

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nội Dung	TK nợ	TK có	Số tiền
Thanh lí máy hàn que	214 811	211 211	23.650.735 10.299.265
Cộng			33.950.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu số 2.34: Trích chứng từ ghi sổ

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:1084

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi Chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
PKT84	25/12	Khấu hao TSCĐ đã thanh lý	214	211	23.650.735	
		Giá trị còn lại TSCĐ	811	211	10.299.265	
		Cộng	X	X	33.950.000	X

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.35: Trích sổ đăng kí CTGS

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02b-DN
Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2012

CHỨNG TỪ GHI SỔ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....		
1078	31/12	3.378.084.563
1079	31/12	31.452.619.710
1080	31/12	19.262.764.414
1081	31/12	50.427.931.120
1082	31/12	78.927.887.009
1083	31/12	160.937.577
1084	31/12	33.950.000
...	...	
1098	31/12	48.055.532.580
.....		
1115	31/12	225.909.596.000
1116	31/12	225.909.596.000
Cộng		2.238.647.112.763

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.36: Trích sổ cái TK 811

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02c1-DN
Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CÁI
Số hiệu :811
Tên TK: chi phí khác
Năm 2012

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Phát sinh trong kỳ			
						
31/12	1084	31/12	Thanh lý TSCĐ	211	10.299.265	
31/12	1115	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911		469.133.180
			Cộng phát sinh		469.133.180	469.133.180
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký , họ tên,đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu 2.37: Phiếu thu tiền

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số 01-TT
Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU TIỀN
Ngày 25 tháng 12 năm 2012

Quyển số:10
SốPTM :124
Nợ:711
Có:111

Họ và tên người nộp : *Nguyễn Thị Xuân*
Địa chỉ: *315 Lý Thường Kiệt, Hồng Bàng, Hải Phòng*
Lý do chi: *Thu từ thanh lý máy hàn que*
Số tiền: *4.950.000*
Bằng chữ: *Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*
kèm theo: *01 tập chứng từ gốc*
Đã nhận đủ số tiền: *Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*

Ngày 25 tháng 12 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Theo tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):.....
Số tiền quy đổi:.....

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu số 2.38: Trích bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG NỘI DUNG

Nội dung: Thu tiền mặt
Tháng 12 năm 2012

TH04/12

Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK111, ghi có các TK					Cộng
Số hiệu	Ngày tháng		141	112	3331	711	...	
								
PTM109	12/12	Hoàn tiền ứng phục vụ công tác chuyên môn	231.000					231.000
PTM 110	13/12	Lĩnh tiền mặt tại ngân hàng về quỹ		1.000.000.000				
PTM124	25/12	Thanh lý máy hàn que			450.000	4.500.000		4.950.000
								
		Cộng	583.913.106	6.000.000.000	450.000	4500.000		6.647.036.024

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu 2.39: Trích chứng từ ghi sổ

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02a-DN
Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:1077

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi Chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
TH04/12	31/12	Thu tiền mặt T12/2012	111	141	583.913.106	
			111	331	127.000	
			111	334	49.120.000	
			111	3331	450.000	
			111	711	4500.000	
						
		Cộng			6.647.036.024	

Kèm theo.....chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu số 2.40: Trích sổ đăng kí CTGS

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02b-DN
Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ
Năm 2012

CHỨNG TỪ GHI SỔ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....		
1077	31/12	6.647.036.024
1078	31/12	3.378.084.563
1079	31/12	31.452.619.710
1080	31/12	19.262.764.414
1081	31/12	50.427.931.120
1082	31/12	78.927.887.009
1083	31/12	160.937.577
1084	31/12	33.950.000
...	...	
1098	31/12	48.055.532.580
.....		
1115	31/12	225.909.596.000
1116	31/12	225.909.596.000
Cộng		2.238.647.112.763

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.41: Trích sổ cái TK 711

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02c1-DN
Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Số hiệu :711
Tên TK: Thu nhập khác
Năm 2012

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Phát sinh trong kỳ			
						
30/11	1015	30/11	Thu tiền mặt T11/2011		12.200.000	
31/12	1077	31/12	Thu tiền mặt T12/2012	111	4.500.000	
31/12	1115	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	911	4.024.254.857	
			Cộng phát sinh		4.024.254.857	4.024.254.857
			Số dư cuối kỳ			

Người lập
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký , họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long

2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Đông và Sửa chữa tàu hải Long

2.2.7.1. Nội dung của xác định kết quả kinh doanh

Cuối kỳ kế toán thực hiện khai báo các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, giá vốn, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác, chi phí khác sang Tài khoản 911. Đồng thời, kế toán tạo bút toán kết chuyển lỗ hoặc lãi. .

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định khi công ty có lãi, lúc đó thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và kế toán định khoản bằng bút toán Nợ TK 821 – Có TK 3334.

Cuối tháng, kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển các tài khoản liên quan trên phiếu kế toán (PKT). Căn cứ vào các PKT để lập sổ chi tiết xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

2.2.7.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

2.2.7.3. Tài khoản sử dụng

- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421- Lợi nhuận chưa phân phối.

2.2.7.4. Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty

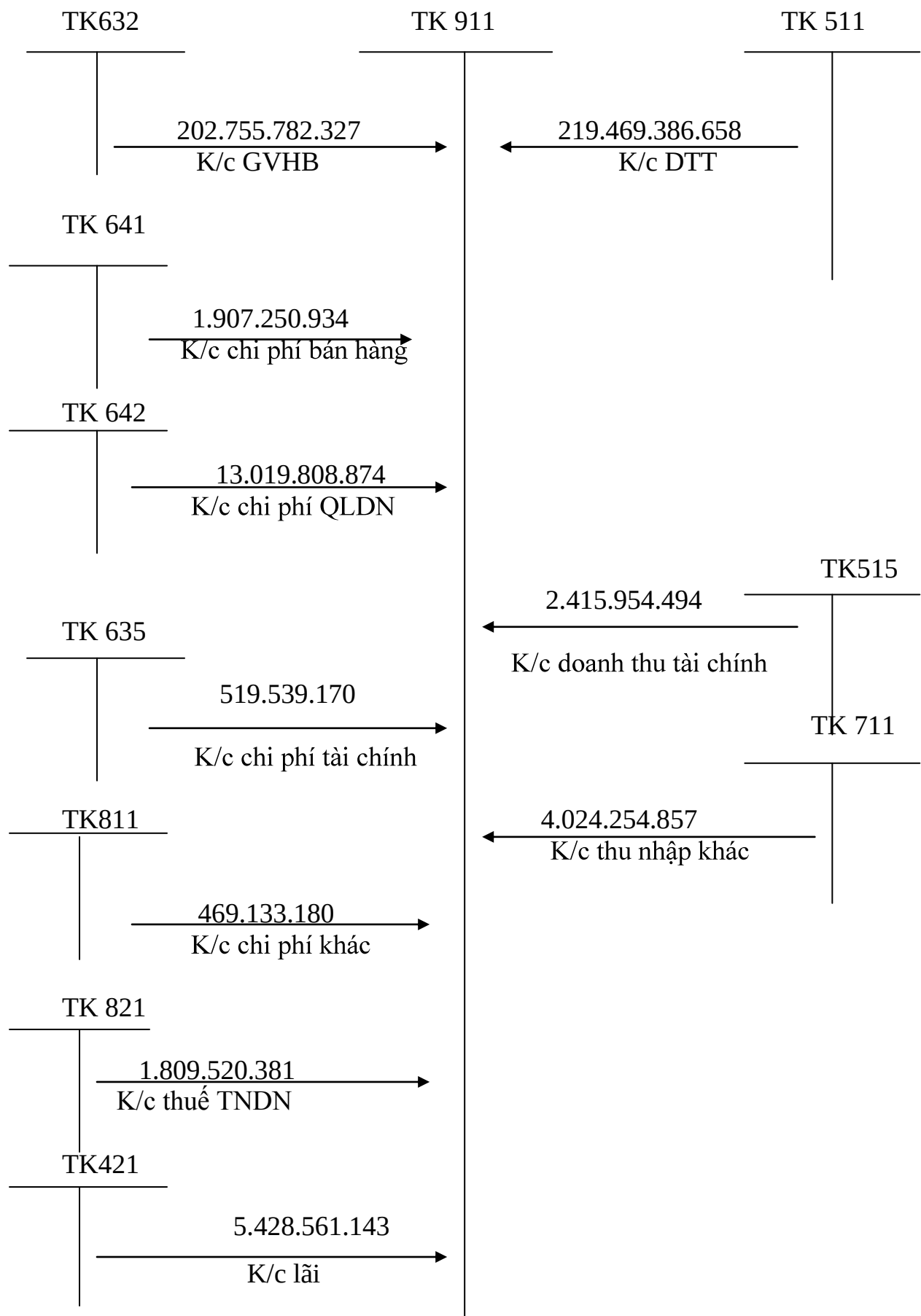
Các bút toán kết chuyển xác định kết quả kinh doanh được khái quát bằng sơ đồ (đồ 2.8) sau đây :

- Ví dụ minh họa

Ngày 31/12/2012 Kế toán xác định kết quả kinh doanh năm 2012

Bút toán kết chuyển được thực hiện lần lượt qua các phiếu kế toán 85 – kết chuyển doanh thu (Biểu 2.42), phiếu kế toán 86 – kết chuyển chi phí, giá vốn (biểu 2.43), từ phiếu kế toán 85,86 kế toán làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ (biểu 2.44), (biểu 2.45), sổ cái TK 911 (biểu 2.46), sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (biểu 2.47)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Sơ đồ 2.8: Hạch toán xác định kết quả kinh doanh năm 2012

Biểu 2.42: Phiếu kế toán

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long

Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 85

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nội Dung	TK nợ	TK có	Số tiền
Ghi có TK 911			
K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	219.469.386.658
K/c doanh thu hoạt động tài chính	515	911	2.415.954.494
K/c thu nhập khác	711	911	4.024.254.857
Cộng			225.909.596.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long

Biểu 2.43: Phiếu kế toán

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 86

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nội Dung	TK nợ	TK có	Số tiền
Ghi nợ TK 911			
K/c giá vốn hàng bán	911	632	202.755.782.327
K/c chi phí bán hàng	911	641	1.907.250.934
K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	13.019.808.874
K/c chi phí tài chính	911	635	519.539.170
K/c chi phí khác	911	811	469.133.180
K/c chi phí thuế TNDN	911	821	1.809.520.375
K/c lợi nhuận sau thuế	911	421	5.428.561.125
Cộng			225.909.596.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu số 2.44: Trích chứng từ ghi sổ

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02a-DN
Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:1115

Ngày :31 tháng 12 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi Chú
	Nợ	Có		
K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	219.469.386.658	
K/c doanh thu hoạt động tài chính	515	911	2.415.954.494	
K/c thu nhập khác	711	911	4.024.254.857	
Cộng	X	X	225.909.596.000	X

Kèm theo..... chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 20
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu 2.45: Trích chứng từ ghi sổ

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02a-DN
Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:1116

Ngày :31 tháng 12 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi Chú
	Nợ	Có		
K/c giá vốn hàng bán	911	632	202.755.782.327	
K/c chi phí bán hàng	911	641	1.907.250.934	
K/c chi phí quản lý	911	642	13.019.808.874	
K/c chi phí tài chính	911	635	519.539.170	
K/c chi phí khác	911	811	469.133.180	
K/c chi phí thuế TNDN	911	821	1.809.520.387	
K/c lợi nhuận sau thuế	911	421	5.428.561.125	
Cộng	X	X	225.909.596.000	X

Kèm theo..... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.46: Trích sổ cái TK 911

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02c1-DN
Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Số hiệu :911

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2012

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Phát sinh trong kỳ			
31/12	1115	31/12	K/c doanh thu bán hàng	511		219.469.386.658
31/12	1115	31/12	K/c doanh thu hoạt động tài chính	515		2.415.954.494
31/12	1115	31/12	K/c thu nhập khác	711		4.024.254.857
31/12	1116	31/12	K/c giá vốn hàng bán	632	202.755.782.327	
31/12	1116	31/12	K/c chi phí bán hàng	641	1.907.250.934	
31/12	1116	31/12	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	642	13.019.808.874	
31/12	1116	31/12	K/c chi phí tài chính	635	519.539.170	
31/12	1116	31/12	K/c chi phí khác	811	469.133.180	
31/12	1116	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	821	1.809.520.375	
31/12	1116	31/12	K/c lợi nhuận sau thuế	421	5.428.561.125	
			Cộng phát sinh		225.909.596.000	225.909.596.000
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

Biểu 2.47: Trích sổ đăng ký CTGS

Công ty Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long
Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S02b-DN
Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2012

CHỨNG TỪ GHI SỔ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....		
1080	31/12	340.432.760
1081	31/12	28.952.265.270
1082	31/12	56.004.929.120
1083	31/12	14.526.746.922
1084	31/12	50.427.931.120
1088	31/12	33.950.000
...	...	
1098	31/12	48.055.532.580
.....		
1115	31/12	225.909.596.000
1116	31/12	225.909.596.000
Cộng		2.238.647.112.763

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính công ty TNHH MTVĐóng và Sửa chữa tàu Hải Long)

CHƯƠNG 3
MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG
TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA
TÀU HẢI LONG

3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long

3.1.1. Ưu điểm

**Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh:* Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động thực sự hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng.

**Về tổ chức bộ máy kế toán của công ty:* Cơ cấu của phòng tài chính kế toán gọn nhẹ, chặt chẽ, mỗi người phụ trách một mảng riêng, có nhiệm vụ và quyền hạn đối với mỗi phần hành của mình. Cán bộ kế toán độc lập, trình độ năng lực chuyên môn cao, nhiệt tình và yêu nghề, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Do vậy mà bộ máy kế toán của công ty luôn ổn định và đảm bảo cho việc theo dõi, báo sổ hàng tháng của công ty đúng hạn. Điều này giúp cho công tác quản lý của công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

**Về hạch toán kế toán nói chung:* Nhìn chung công ty thực hiện đầy đủ và chính xác chế độ kế toán cũng như chuẩn mực kế toán hiện hành, cụ thể:

+ **Chứng từ kế toán:** sử dụng chứng từ đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ phát sinh. Những thông tin về nghiệp vụ kế toán được ghi đầy đủ, chính xác vào chứng từ, tạo điều kiện cho tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, kế toán ở phần hành nào thì lưu trữ chứng từ liên quan đến phần hành đó. Vì vậy bảo đảm tính không chồng chéo và nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng.

+ **Về sổ kế toán:** Các sổ kế toán được thực hiện rõ ràng, sạch sẽ và được in ra lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của Nhà nước. Công ty áp

dụng hình thức Chứng từ ghi sổ, ưu điểm là đơn giản, dễ ghi chép, dễ đối chiếu số liệu.

+ **Về hệ thống tài khoản sử dụng:** Công ty sử dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quyết định số 15/2006/ QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính và chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung.

**Về hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:* Công ty đã nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế của những thay đổi về chế độ kế toán áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp, đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị.

Được sự hướng dẫn của kế toán trưởng của công ty nên công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty hiện nay rất nhanh chóng và chính xác.

3.1.2.Hạn chế

**Về tài khoản sử dụng*

Đối với tài khoản 641, tài khoản 642 công ty không mở tài khoản cấp 2 để phản ánh cụ thể các nội dung chi phí thuộc chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp dẫn đến việc khó theo dõi chi tiết các loại chi phí này

**Về hệ thống sổ sách kế toán.*

-Công ty không mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 641, TK 642 nên không theo dõi chi tiết được các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp thực phát sinh trong kỳ

** Về công tác ghi chép sổ sách*

Công ty đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán, cụ thể đã trang bị máy vi tính cho phòng kế toán .Song việc ứng dụng mới chỉ dừng lại ở việc tính toán số liệu trên excel, lưu trữ tài liệu ,công tác kế toán vẫn còn dựa vào lối hạch toán thủ công truyền thống chưa giảm bớt được thời gian trong khâu lập sổ sách cũng như báo cáo kế toán.

** Về việc luân chuyển chứng từ*

Chứng từ kế toán có vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng. Việc lập phiếu xuất kho ở công ty chưa kịp thời nhanh gọn, luân chuyển chứng từ còn chậm, không đảm bảo đúng thời hạn quy định.

Bên cạnh đó, việc tập hợp luân chuyển chứng từ không có quy định cụ thể

về thời gian giao nộp chứng từ của các bộ phận nên gây ra tình trạng chậm trễ trong quá trình đưa chứng từ đến phòng tài chính kế toán để xử lý làm cho chứng từ bị ứ đọng, kỳ sau mới xử lý được gây nên tình trạng quá tải khi chứng từ về cùng một lúc.

** Việc áp dụng chính sách thu hồi nợ và chính sách ưu đãi với khách hàng*

- Công ty chưa chú trọng đến chính sách thu hồi nợ, lượng nợ phải thu của công ty tương đối lớn so với tổng tài sản của công ty do đó gây mất chủ động trong vấn đề sử dụng vốn, vòng quay vốn không được sử dụng hiệu quả, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

- Hiện nay công ty cũng không có chính sách chiết khấu thanh toán. cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu như chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán. Đối với việc không áp dụng chiết khấu thanh toán sẽ gây khó khăn trong việc thu hồi nợ của công ty.

** Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi*

Có nhiều khách hàng đã đến hạn thanh toán hoặc đã quá hạn thanh toán mà doanh nghiệp vẫn chưa thu hồi được nợ nhưng doanh nghiệp lại chưa trích lập dự phòng. Điều này dẫn đến việc công ty không có khoản dự phòng để bù đắp những rủi ro xảy ra, sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính, gây thiếu vốn trong kinh doanh

** Máy móc, trang thiết bị trong công ty*

Máy móc, thiết bị đã được đầu tư từ hàng chục năm trước, hầu hết máy móc đều cũ, hỏng hóc nhiều, hoạt động kém hiệu quả, thời gian khấu hao cũng hết, chi phí sửa chữa cao lại hay phải sửa chữa nhiều, sửa chữa thường kéo dài. Một số máy móc không sử dụng được làm ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh, cũng như doanh thu tiêu thụ của công ty.

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long

3.2.1 Sự cần thiết của việc hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nói chung và hoàn thiện công tác kế toán doanh thu - xác định kết quả kinh doanh nói riêng là sự cần thiết khách quan. Bởi: Thứ nhất, do yêu cầu của sự phát triển kinh tế cần thiết phải có những thông tin tài chính chính xác, hiệu quả, đáng tin cậy. Các thông tin kế toán vừa

mang tính định tính vừa mang tính định lượng, các thông tin này rất quan trọng đối với những đối tượng sử dụng thông tin. Thông tin kế toán cung cấp không chỉ quan trọng đối với bản thân doanh nghiệp mà còn rất quan trọng với Nhà nước trong việc kiểm tra tình hình chấp hành các chính sách, chế độ, từ đó nghiên cứu bổ sung chính sách, chế độ phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp và điều kiện thực tế của đất nước.

Thứ hai, mỗi doanh nghiệp khi hoạt động sản xuất kinh doanh đều mong muốn đạt hiệu quả kinh doanh cao. Các công ty cần đưa ra những quyết định để nâng cao doanh thu, tiết kiệm và hạ thấp chi phí, không ngừng nâng cao lợi nhuận. Để làm được điều đó thì thông tin về kinh tế, tài chính về kinh tế là rất quan trọng cho bản thân các nhà lãnh đạo doanh nghiệp. Thông tin mà kế toán cung cấp phải đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời, hiệu quả để cung cấp tốt nhất cho nhà quản trị, cho các nhà đầu tư,.. Để đảm bảo được yêu cầu sử dụng và cung cấp thông tin, công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long cần hoàn thiện công tác kế toán nói chung đặc biệt là hoàn thiện kế toán doanh thu, xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Do đó, hoàn thiện kế toán doanh thu – xác định kết quả kinh doanh là một nhu cầu tất yếu và cần thiết trong điều kiện của Việt Nam hiện nay nói chung và tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long nói riêng

3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Hải Long

Để hoàn thiện công tác kế toán nói chung, kế toán doanh thu – xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

- Số liệu kế toán phải phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Việc phản ánh số liệu một cách chính xác, kịp thời là điều kiện hết sức cần thiết và quan trọng đối với các cơ quan chức năng: đối với cơ quan thuế - giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp vào ngân sách Nhà nước; đặc biệt là giúp cho ban lãnh đạo

của doanh nghiệp trong việc đưa ra phương hướng và kế hoạch cụ thể cho kỳ kinh doanh tiếp theo.

- Số liệu phải đảm bảo rõ ràng; minh bạch và công khai, đây là điều đặc biệt

quan tâm của các doanh nghiệp và đối tác tham gia góp vốn liên doanh, liên kết.

- Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực, khả thi. Bất kì doanh nghiệp nào dù là tư nhân hay Nhà nước đều có chung mong muốn là tiết kiệm được chi phí, thu được lợi nhuận cao, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long

*** Kiến nghị 1 :** Mở tài khoản cấp 2 của TK 642

Công ty nên mở một số tài khoản cấp 2 TK 642 để phản ánh các nội dung chi phí liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp nhằm theo dõi chi tiết các khoản chi phí liên quan . - Tài khoản 642 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”

+TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý

+TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng

+TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ

+TK 6427: Chi phí dịch vụ ngoài

+TK 6428: Chi phí khác bằng tiền

*** Kiến nghị 2:** Mở sổ chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh

Sử dụng sổ chi phí sản xuất kinh doanh giúp kế toán theo dõi được thường xuyên liên tục các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố chi phí, giúp công ty quản lý chặt chẽ hơn các khoản chi phí phát sinh trong kỳ và đưa ra biện pháp làm giảm chi phí trong quá trình kinh doanh của công ty

Dưới đây là mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 3.1: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long

Số 108 Phan Đình Phùng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S36-DN

Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC

ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2012

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		Chia ra				
	SH	NT			Nợ	Có	6421	6423	6424	6427	6428
											
02/12	PC1132	02/12	Thanh toán tiền mua giấy in tháng 12	111	250.000			250.000			
13/12	PC1141	13/12	Thanh toán tiền sửa và thay linh kiện máy photocopy	111	4.536.000						4.536.000
31/12	BKH T12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ	214					23.650.735		
31/12	BL T12	31/12	Tính Lương bộ phận quản lý T12	334	265.560.121		265.560.121				
											
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển san 911			13.019.808.874					
			Cộng phát sinh		13.019.808.874	13.019.808.874	6.186.721.452	525.235.864	4.210.526.500	1.018.473.768	1.078.851.286

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

*** Kiến nghị 3:** Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán

Trong thời kỳ công nghệ thông tin ngày càng phát triển, phần mềm kế toán được áp dụng nhiều trong kế toán, điều này mang lại hiệu quả to lớn, tính chính xác và tính kinh tế cao. Do vậy, công ty nên sử dụng phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh, loại hình của doanh nghiệp mình để góp phần nâng cao hiệu quả trong quản lý cũng như tiết kiệm được thời gian, công sức trong việc ghi sổ sách, tính toán số liệu. Các phần mềm kế toán được nhiều công ty sử dụng hiện nay như : Misa, Admin, Acsoft, Adsoft Các phần mềm này có nhiều tiện ích, phù hợp với hoạt động của công ty như : đơn giản, dễ sử dụng, tốc độ xử lý thông tin nhanh, dễ dàng phát hiện sai sót, đảm bảo độ chính xác của thông tin xử lý

Ví dụ:

Phần mềm Kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ MISA SME.NET 2010

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2010 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các loại hình doanh nghiệp, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán quản lý mọi hoạt động kinh tế phát sinh của mình.

Ưu điểm

-Giao diện thân thiện, dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng 01 Phiếu chi).

-Bám sát chế độ kế toán, các biểu mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.

-Tính chính xác: số liệu tính toán trong misa rất chính xác, ít khi xảy ra các sai sót bất thường



Phần mềm kế toán SIMBA

Được thiết kế dành cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa với mục tiêu giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí, giảm thiểu những thủ tục không cần thiết, đơn giản hóa và làm gọn nhẹ công tác kế toán



Ưu điểm;

- Cho phép bảo mật bằng mật khẩu và phân quyền truy cập chi tiết đến từng chức năng trong chương trình, từng người sử dụng.
- Cập nhật đầy đủ các biểu mẫu mới nhất của Bộ Tài chính
- Hỗ trợ tính giá thành theo nhiều phương pháp như: đơn giản, định mức, đối tượng tập hợp chi phí có thể là sản phẩm, công trình, hợp đồng, đơn giản.
- Giao diện được thiết kế theo hướng đơn giản, dễ thao tác

***Kiến nghị 4:** Về việc luân chuyển chứng từ.

Việc luân chuyển chứng từ từ kho sang phòng tài vụ kế toán để xử lý còn chậm trễ gây nhiều khó khăn và ảnh hưởng tới công việc, bị dồn ứ sang tháng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

sau làm ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán, làm nhân viên kế toán phải vất vả trong công việc. Vì vậy công ty cần có những biện pháp quy định về ngày luân chuyển chứng từ nhất định trong tháng để việc tập hợp chứng từ được thực hiện một cách đầy đủ, nhanh chóng, kịp thời

Công ty theo có thể thực hiện các bước sau:

Bước 1: Quy định ngày giờ chuyển chứng từ: vào gần cuối mỗi ngày làm việc thủ kho của các kho phải nhanh chóng tập hợp hết tất cả các PX, PN trong ngày để chuyển lên cho phòng kế toán.

Bước 2: Lập sổ giao nhận chứng từ

CÔNG TY ĐÓNG VÀ SỬA CHỮA TÀU HẢI LONG

Số 108 Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, Hải Phòng

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

N. T giao CT	Số hiệu CT	Kế toán ký xác nhận	Ghi chú
01/01/12	PN0001		
	PN0002		
	PX0001		
	PX0002		
	PX0003		
02/01/12			

***Kiến nghị 5:** Tăng cường công tác thu hồi nợ

❖ Chính sách thu hồi nợ :

Hiện nay công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long là một doanh nghiệp lớn có số lượng khách hàng tương đối nhiều, việc bán hàng không thể

tránh khỏi các khoản nợ lại của khách, do đó gây khó khăn trong công tác quay vòng vốn của doanh nghiệp. Vấn đề đặt ra cần phải có những chính sách thu hồi nợ phù hợp đáp ứng tình hình kinh doanh của doanh nghiệp nhằm mang lại sự ổn định về tài chính cho công ty.

Để thực hiện tốt chính sách thu hồi nợ doanh nghiệp nên đề ra các biện pháp :

- Phải thường xuyên quan tâm, đốc thúc các khách hàng nợ tiền và những người liên quan tham gia sát xao vào công tác thu hồi nợ.
- Có chế độ thưởng phạt rõ ràng cho những cá nhân đạt thành tích tốt trong công tác thu hồi nợ cũng như các cá nhân không hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

Các biện pháp thu hồi nợ phải đảm bảo hai nguyên tắc

- + Lợi ích công ty không bị xâm hại
- + Không mất đi bạn hàng

Doanh nghiệp nên đưa ra các chính sách thu hồi vốn và khuyến khích khách hàng trả nợ trước hạn, trong đó quan trọng và triệt để hơn cả là chính sách : Chiết khấu thanh toán.

❖ Chiết khấu thanh toán

Là một trong những biện pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đẩy mạnh số lượng tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Trong nền kinh tế đầy cạnh tranh thì đây là một yếu tố cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

Chiết khấu thanh toán là việc cho khách hàng hưởng một khoản tiền khi khách hàng thanh toán nợ sớm quy định.

Hiện nay công ty có một số khách hàng lâu năm, giá trị hàng lớn trong số đó có nhiều khách hàng thường xuyên thanh toán chậm. Công ty nên đưa ra các phương thức khuyến khích khách hàng thanh toán trước thời hạn để bổ sung nguồn vốn kinh doanh của công ty, hạn chế bớt đi các khoản đi vay. Chiết khấu thanh toán có thể áp dụng cả với những khách hàng thanh toán một nửa hóa đơn GTGT bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng .

Công ty nên xây dựng mức chiết khấu theo thời gian thanh toán cho khách hàng dựa trên nhiều yếu tố như:

- Số tiền mua hàng phát sinh
- Thời gian thanh toán tiền hàng
- Lãi suất cho vay của ngân hàng.

Sau khi xác định được mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua tài khoản 635 “ chi phí tài chính”

Phản ánh số chiết khấu thanh toán mà khách hàng được hưởng kế toán ghi:

Nợ TK 635 – Số chiết khấu thanh toán dành cho người mua

Có TK 131,111,112 – Số tiền trả cho người mua

Cuối kỳ kết chuyển số chiết khấu thanh toán đã chấp nhận cho người mua phát sinh trong kỳ sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635 – Chiết khấu thanh toán

***Kiến nghị 6: Trích lập phải thu khó đòi .**

Hiện nay so với quy mô của doanh nghiệp thì các khoản nợ phải thu của khách hàng tại công ty là tương đối lớn điều này không chỉ gây khó khăn cho công ty trong việc huy động vốn mà còn gây trở ngại lớn đến vấn đề đầu tư của doanh nghiệp. Vì vậy công ty nên có những biện pháp để khuyến khích khách hàng thanh toán sớm. Đồng thời công ty cũng nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nhằm giúp cho tình hình tài chính của công ty không bị biến động nhiều khi có những khoản nợ không đòi được.

Dự phòng phải thu khó đòi là: dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách hàng không có khả năng thanh toán.

Các khoản nợ phải thu khó đòi đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ , bao gồm : hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế , các khế ước...

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết .

Các khoản không đủ căn cứ xác định nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

Phương pháp dự phòng

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi trên.

Theo thông tư 228/2009/TT – BTC ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau :

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán , mức trích lập dự phòng là :

Thời gian quá hạn thanh toán	Mức dự phòng cần trích lập
6 tháng < t < 1 năm	30% giá trị nợ phải thu quá hạn
1 năm < t < 2 năm	50% giá trị nợ phải thu quá hạn
2 năm < t < 3 năm	70% giá trị nợ phải thu quá hạn
> 3 năm	100% giá trị phải thu quá hạn

- Đối với nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được và trích lập dự phòng

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hoạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

- TK sử dụng TK 139 : dự phòng phải thu khó đòi
- Phương pháp hạch toán

Ngày 31/12/N trích lập dự phòng phải thu khó đòi năm N+1

Nợ TK 642

Có TK 139

Trong năm N+1 khi phát sinh tổn thất thực tế căn cứ vào quyết định cho phép xóa sổ nợ phải thu khó đòi, kế toán ghi:

Nợ TK 139

Nợ TK 642

Có TK 131,138....

Đồng thời ghi Nợ TK 004

Các khoản nợ phải thu khó đòi sau khi có quyết định xử lý xóa sổ doanh nghiệp vẫn phải theo dõi riêng trên sổ kế toán và trên TK 004 trong thời gian tối thiểu 5 năm và tiếp tục có biện pháp thu hồi.

Tại ngày 31/12/N+1

+ Nếu số dự phòng phải trích bằng số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp không phải trích lập.

+ Nếu số dự phòng phải trích lớn hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp phải nhập phần chênh lệch vào thu nhập khác .

Ví dụ:trích lập dự phòng phải thu khó đòi của công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long

BÁO CÁO CÔNG NỢ ĐẾN 31/12/2012

STT	Tên khách hàng	Số tiền	Trong đó nợ			
			Chưa đến hạn trả	Đến hạn trả	Quá hạn trả	Không đòi được
1	Công ty TNHH MTV 189 TCCNQP	1.121.790.000	673.074.000	448.716.000		
2	Công ty vận tải Hồng Hà	1.585.560.000		951.336.000	634.224.000	
	...	...	...			
	Cộng tổng	9.054.939.991	4.297.832.853	2.426.451.000	2.330.656.138	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Trong 2.330.656.138 nợ quá hạn của công ty có :

-Khoản nợ quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm là 582.664.000. Mức trích lập dựphòng là $582.664.000 * 30\% = 174.799.200$

- Khoản nợ quá hạn 1 năm đến 2 năm là 987.105.000. Mức trích lập dự phòng là $987.105.000 * 50\% = 493.552.500$

- Khoản nợ quá hạn 2 năm đến 3 năm là :490.769.753.Mức trích lập dự phòng là $490.769.753 * 70\% = 343.538.827$

- Khoản nợ quá hạn trên 3 năm 270.117.385. Mức trích lập dự phòng là $270.117.385 * 100\% = 270.117.385$

Tổng trích lập là 1.282.007.912

Kế toán định khoản Nợ TK 642: 1.282.007.912

Có TK 139: 1.282.007.912

KẾT LUẬN

Trong kinh doanh với bất kỳ doanh nghiệp nào thì tiêu thụ luôn là khâu quan trọng quyết định sự tồn vong của doanh nghiệp. Nhà quản lý cần nắm bắt được những thông tin cần thiết của quá trình tiêu thụ và điều mà họ quan tâm nhất chính là kết quả cuối cùng – chỉ tiêu lợi nhuận. Do đó công tác hạch toán kế toán ở khâu tiêu thụ có vai trò rất quan trọng, cung cấp thông tin để doanh nghiệp đưa ra những hướng đi tiếp theo. Trong đó kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ một nhiệm vụ rất quan trọng.

Trong quá trình học tập và thời gian tìm hiểu thực tế tại công ty TNHH MTV Đóng và sửa chữa tàu Hải Long em đã mạnh dạn chọn đề tài “hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long” làm đề tài khóa luận. Trong cuốn khóa luận này em đã vận dụng những kiến thức được học ở nhà trường để hệ thống hóa cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh và cũng đã phản ánh thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Đóng và Sửa chữa tàu Hải Long. Từ đó mạnh dạn đưa ra được một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Với kiến thức còn nhiều hạn chế và khả năng tìm hiểu thực tế còn chưa cao nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Kính mong nhận được sự thông cảm và góp ý kiến đánh giá của các thầy cô.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn THS. Hòa Thị Thanh Hương và toàn thể cán bộ nhân viên kế toán của công ty TNHH MTV đóng và sửa chữa tàu Hải Long đã giúp em hoàn thành đề tài này

Hải Phòng, ngày tháng năm 2012

Sinh viên

Vũ Trà My

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 1

Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006
của Bộ Tài chính - Nhà xuất bản Lao động xã hội - Năm 2006.

2. Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 2

Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006
của Bộ Tài chính - Nhà xuất bản Lao động xã hội - Năm 2006.

3. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính

TS Nguyễn Văn Công - Nhà xuất bản Tài Chính - Năm 2006.

4. Các chuẩn mực kế toán Việt Nam.

5. Website: Webketoan.com

Danketoan.com